

CÔNG TY TNHH SAO ĐẠI DƯƠNG HÀ TĨNH

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ KHU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA
CÔNG TY TNHH SAO ĐẠI DƯƠNG HÀ TĨNH
TẠI XÃ THẠCH TRỊ, HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

HÀ TĨNH, NĂM 2024

CÔNG TY TNHH SAO ĐẠI DƯƠNG HÀ TĨNH

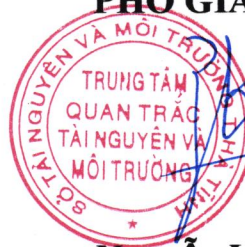
BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ KHU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA
CÔNG TY TNHH SAO ĐẠI DƯƠNG HÀ TĨNH
TẠI XÃ THẠCH TRỊ, HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH SAO ĐẠI DƯƠNG
HÀ TĨNH
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hạnh

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Kiên

HÀ TĨNH, NĂM 2024

MUC LUC

MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ cơ sở:	5
2. Tên cơ sở:	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	11

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

.....	13
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	13
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	14

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	15
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	20
4. Công trình, thiết bị lưu giữ chất thải rắn nguy hại	22
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	22
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	22
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.	27

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	30
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn	31

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải	33
5.2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với khí thải	33

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CỦA CƠ SỞ

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐỐI VỚI CƠ SỞ

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1: Quy mô, khối lượng hạng mục thoát nước mưa.....	15
Bảng 4.1: Thông số và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước thải	30
Bảng 5.1: Kết quả quan trắc định kỳ nước thải từ năm 2022 - 2024 của Cơ sở.....	33

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1: Vị trí của cơ sở.....	5
Hình 3.1: Mương thu gom, thoát nước mưa đường nội bộ trong khu nuôi	15
Hình 3.1: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Trang trại.....	15
Hình 3.7: Sơ đồ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt	21

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ATLD:	An toàn lao động
BTNMT:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT:	Bảo vệ môi trường
CHCN:	Cứu hộ cứu nạn
CTNH:	Chất thải nguy hại
CTR:	Chất thải rắn
GPMT:	Giấy phép môi trường
KHKT:	Khoa học kỹ thuật
KK:	Không khí
KT:	Kỹ thuật
NL:	Nhiên liệu
NXB:	Nhà xuất bản
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
TB:	Trung bình
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
UBND:	Ủy ban nhân dân
VHTN:	Vận hành thử nghiệm
VLXD:	Vật liệu xây dựng
WHO:	Tổ chức Y tế thế giới
XLNT:	Xử lý nước thải

MỞ ĐẦU

Hà Tĩnh là một tỉnh có tiềm năng lớn trong việc phát triển nghề nuôi trồng thủy sản, đặc biệt huyện Thạch Hà là một huyện ven biển có điều kiện tự nhiên để phát triển ngành thủy sản. Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh đã thực hiện dự án Khu nuôi trồng thủy sản tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà và đi vào hoạt động từ năm 2011.

Theo đó, dự án đã được UBND tỉnh đồng ý phê duyệt quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/2.000) tại Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 21/10/2011 và cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000121 ngày 14/11/2011. Dự án đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 02/7/2018.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường.

Vì vậy, Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh (Chủ đầu tư) đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường (Đơn vị tư vấn) tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đối với cơ sở Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà” trình UBND tỉnh Hà Tĩnh thẩm định, cấp phép.

Báo cáo được lập theo Biểu mẫu quy định tại Phụ lục X kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ (Biểu mẫu đối với cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II).

Giấy phép môi trường được cấp sẽ làm căn cứ trong việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường của Chủ dự án cũng như làm căn cứ cho việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án trong quá trình hoạt động.

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ cơ sở:

- Chủ cơ sở: Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh.
- Địa chỉ văn phòng: Số 43 đường Hàm Nghi, phường Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 02393 858 682.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000121 ngày 14/11/2011 và Giấy đăng ký kinh doanh số 3001476968 Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 10/10/2016.

2. Tên cơ sở:

2.1. Tên cơ sở:

Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà

2.2. Địa điểm cơ sở:

Dự án được thực hiện trên diện tích 1.157.196 m² tại xã Thạch Trị, huyện Thạch, tỉnh Hà Tĩnh.

- Vị trí thực hiện dự án được cụ thể trong hình dưới đây:



Hình 1.1: Vị trí của cơ sở

2.3. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của Dự án

- Cơ quan thẩm định bản vẽ quy hoạch mặt bằng sử dụng đất: UBND tỉnh Hà Tĩnh
- Cơ quan thẩm định Giấy phép môi trường: UBND tỉnh Hà Tĩnh.
- Cơ quan cấp Giấy phép môi trường của dự án: UBND tỉnh Hà Tĩnh.

2.4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án

- Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà”.

2.5. Quy mô của cơ sở

- Thuộc loại hình nuôi trồng thủy sản, nhóm C theo tiêu chí quy định tại Điều a Khoản 4 Điều 8 về đầu tư công (được quy định theo Phụ lục I Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ).

- Quy mô về diện tích đầu tư: 1.069.802m².

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Khu nuôi trồng thủy sản có tổng diện tích 1.069.802 m² gồm có 79 hồ nuôi, diện tích mỗi hồ từ 2.653 m² đến 10.406 m². Số vụ nuôi 1 vụ/năm.

Quy mô các hạng mục công trình:

Bảng 1.1. Quy mô các hạng mục công trình Khu NTTS:

TT	Tên công trình	Số lượng	Diện tích theo yêu cầu (m ²)		Thực tế xây dựng	
			Quy hoạch được duyệt	Báo cáo ĐTM	Diện tích	Tiến độ
A	Khu NTTS					
I	Hạng mục công trình nuôi tôm					
1	Hồ nuôi tôm thương phẩm	79 hồ	434.834,7	413.226	413.226	Đã hoàn thành
2	Hồ nước ngọt	01 hồ	75.942,9	75.943	75.943	
3	Đất giao thông nội vùng	-	173.289,9	173.289,9	173.289,9	
4	Hồ lắng/chứa nước mặn	03 hồ	176.840	176.840	176.840	
5	Hồ xử lý nước mặn	03 hồ	51.715	51.715	51.715	
II	Hạng mục nhà văn phòng, phụ trợ					
1	Công ra, vào	01 cái	-	-	-	Đã hoàn thành
2	Nhà văn phòng	02 cái	280	280	280	
3	Nhà bếp, ăn	01 cái	72	72	72	
4	Nhà nghỉ ca	01 cái	140	140	140	
5	Kho thức ăn	01 cái	48	48	48	
6	Kho hóa chất	01 cái	24	24	24	

TT	Tên công trình	Số lượng	Diện tích theo yêu cầu (m ²)		Thực tế xây dựng	
			Quy hoạch được duyệt	Báo cáo ĐTM	Diện tích	Tiến độ
7	Kho thuốc thú y	01 cái	200	200	200	
8	Nhà xưởng kỹ thuật	01 cái	216	216	216	
9	Nhà bảo vệ	01 cái	25	25	25	
10	Sân/Bãi, đường nội bộ	01 cái	800	800	800	
11	Hàng rào thép gai	Hệ thống	-	5,1km	5,1km	
III	Hạng mục bảo vệ môi trường					
1	Hồ xử lý nước thải	06 hồ	64.325,4	64.326	46.683	Đã hoàn thành
2	Hệ thống cây xanh	Hệ thống	98.731	98.731	98.731	
3	Nhà vệ sinh	08 cái	96	96	96	
B	Hệ thống mương cấp, thoát nước thải		86.786,9			
10	Mương cấp nước mặn (Đường ống áp lực cấp nước biển)	1,1km x 2 tuyến	50.644	50.644		Đã hoàn thành
11	Kênh đào thoát nước thải (Từ cầu Khe Đào đến bờ biển)	01 kênh dài 1,3 km	36.750	36.750		
12	Đường ống nhựa HPDE đường kính D500 thoát nước thải từ hồ lắng ra bờ biển	Dài 1.350m	-	-	1.350m	

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình nuôi tôm:

* Chuẩn bị hồ nuôi:

Sau mỗi vụ nuôi, tiến hành tháo cạn nước, dùng máy bơm cao áp xịt rửa sạch các chất bám bẩn, sau đó dùng nước Chlorine 5% phun đều lên mặt bạt, phơi bạt sau 5 ngày mới lấy nước vào hồ cho vụ nuôi tiếp theo.

* Công tác chuẩn bị nước nuôi:

- Xử lý nước:

+ Sau khi chuẩn bị xong hồ nuôi, tiến hành bơm nước vào. Nước cấp vào hồ được xử lý bởi hệ thống hồ lắng + hồ xử lý nước cấp: Được lắng và lọc bởi lưới lọc và cát thạch anh + sỏi có kích thước nhỏ để ngăn ngừa trứng, các loại cá và các động vật khác vào hồ nuôi. Bổ sung nguồn nước ngọt duy trì độ mặn ổn định trong hồ nuôi. Sau khi cấp đủ nước vào hồ nuôi đạt độ sâu từ 1,2m tiến hành chạy quạt và để lắng ít nhất 2 đến 3 ngày mới tiến hành xử lý. Mặt khác trong nước hồ thường có nhiều các loài vi khuẩn, nấm, tảo và nguyên sinh động vật sinh ra các loại bệnh cho tôm như bệnh đầu vàng, bệnh đốm trắng, bệnh MBV, bệnh phát sáng, bệnh đóng rong, bệnh đỏ mang, bệnh hoại tử phụ bộ... Vì vậy, trước khi thả tôm giống cần phải khử trùng nguồn nước. Hóa chất dùng để khử trùng nguồn nước phổ biến là chlorine có hàm lượng chlorine

liều lượng 30 ppm, để lâu sẽ bốc hơi mất tác dụng nên thường phải xác định lại nồng độ cho chính xác trước khi dùng.

+ Hòa loãng chlorine có nồng độ 20ppm dạng bột với nước hồ phun đều khắp hồ, đồng thời mở máy quạt nước. Nếu phun vào những ngày trời râm mát, tác dụng diệt có thể kéo dài 4 -5 ngày. Trước khi thả tôm giống phải mở máy quạt cho cho bay hết clo còn lại trong nước (khoảng 7-10 ngày sau khi dùng Chlorine khử trùng mới gây màu nước). Chú ý, không dùng chlorine ngay sau khi dùng vôi sống vì gặp nước chlorine sản sinh ra HCl, vôi sống sinh ra OH hai thứ trung hòa lẫn nhau làm mất tác dụng của từng loại.

- Gây màu nước:

+ Có thể dùng các loại phân vô cơ, chế phẩm vi sinh, lên men nguyên liệu,... để gây màu nước. Các loại phân hữu cơ và vô cơ sẽ tạo nguồn thức ăn tự nhiên cho tôm, nhất là ở giai đoạn đầu khi tôm còn nhỏ.

+ Thời gian gây màu khoảng 4-5 ngày, chú ý khi màu nước trong hồ lên tốt thì mới tiến hành thả giống.

+ Trong quá trình xử lý và gây màu nước cần kiểm tra pH, độ kiềm... nằm trong khoảng thích hợp cho tôm nuôi.

- Vận hành hệ thống máy quạt nước vào hồ nuôi:

+ Hệ thống quạt nước làm tăng hàm lượng ôxy hòa tan, tạo dòng chảy kích thích tôm bắt mồi, đồng nhất chất lượng nước tại mọi điểm trong hồ, gom chất thải vào giữa hồ, thuận tiện cho việc xiphong đáy.

+ Sau khi lấy nước vào hồ nuôi cần lắp đặt hệ thống máy quạt nước vào đúng các vị trí trong hồ nuôi. Hệ thống máy quạt nước và bờ hồ tạo góc 70-80° và các cánh quạt liên kết với nhau.

* Thả tôm giống:

- Lựa chọn nguồn gốc:

+ Chọn nhà cung cấp có uy tín, không mua giống không rõ nguồn gốc, không có giấy kiểm dịch.

+ Giống tôm nuôi tại Khu NTTS hiện được mua từ Công ty CP Việt Úc - Bạc Liêu với chất lượng đảm bảo.

- Mật độ thả tôm: Từ 100-150 con/m² (trung bình 120 con/m²).

- Kỹ thuật thả tôm giống:

+ Trước khi có hồ nuôi tôm giống: Tôm được kiểm tra chất lượng bằng cách “sốc” Formol nồng độ 100-200ppm trong 1,5-2 giờ và tỷ lệ sống phải lớn hơn 90% hoặc phải được kiểm dịch qua chi cục thú y; Sai biệt độ mặn nước ở trại giống và hồ nuôi không vượt quá 5‰. Cần chuẩn hóa độ mặn và nhiệt độ nước trong thời gian 30 phút trước khi thả tôm ra môi trường hồ nuôi.

+ Sau khi hồ nuôi tôm giống đi vào hoạt động: Tôm được kiểm tra về kích cỡ, màu sắc, không thả tôm có dị tật hoặc các màu sắc lạ. Trước khi thả tôm ra môi trường hồ nuôi

cần phải thuần hóa độ mặn và nhiệt độ nước trong thời gian 30 phút trước khi thả tôm ra môi trường hồ nuôi.

** Chăm sóc và quản lý:*

- Thức ăn:

+ Chọn thức ăn cho tôm có chất lượng tốt. Thức ăn phải cho ăn đúng khẩu phần, hàm lượng đậm phù hợp từng giai đoạn phát triển của tôm, luôn kiểm soát lượng thức ăn để điều chỉnh tránh thừa hoặc thiếu. Không nên cho tôm ăn khi trời mưa vì có sự thay đổi nhiệt độ và độ mặn.

+ Trong suốt giai đoạn tôm lột xác, nên giảm lượng thức ăn và bổ sung thêm khoáng. Định kỳ bắt tôm để quan sát, dùng sàng ăn để kiểm tra mức độ ăn của tôm để điều chỉnh thức ăn cho kịp thời.

+ Thức ăn được nhập về từ công ty TNHH Growbest Việt Nam. Cho ăn hoàn toàn là thức ăn công nghiệp. Tùy theo mỗi loại thức ăn khác nhau, mỗi loại giống nuôi khác nhau mà cho ăn theo hướng dẫn của nhà sản xuất đồng thời phải xác định tỷ lệ sống, trọng lượng bình quân tôm mà tính lượng thức ăn phù hợp cho mỗi hồ nuôi.

- Sục khí và quạt khí:

+ Nuôi tôm thẻ chân trắng với hình thức thâm canh đòi hỏi phải sục khí, quạt khí liên tục nhằm cung cấp đủ hàm lượng oxy hòa tan cho tôm nuôi. Thời gian sục khí và quạt khí tăng dần theo thời gian nuôi. Ngừng sục khí trong thời gian cho tôm ăn.

** Quản lý đáy hồ và chất lượng nguồn nước:*

- Quản lý đáy hồ:

+ Sau khi thả tôm 10 ngày nên sử dụng chế phẩm sinh học làm sạch nước hồ định kỳ 10 ngày/lần. Sau 1 tháng nuôi, tiến hành xiphông đáy theo định kỳ; khi xiphông đáy phải nhẹ nhàng, điều chỉnh van vừa phải, tránh tôm bị hút ra theo ống xiphông.

- Quản lý nước, các yếu tố môi trường:

+ Yêu cầu các yếu tố môi trường, màu nước trong hồ nuôi thích hợp được duy trì ổn định như sau: pH: 7,5 - 8,5; độ kiềm: 80 - 120 mg/l, ôxy hòa tan: 4 mg/l trở lên, độ trong 35 - 40cm, nước có màu xanh nõn chuối hoặc màu mặn.

+ Trong quá trình nuôi, cần điều chỉnh, duy trì các yếu tố môi trường thích hợp cho tôm. Vào mùa nắng nóng, cần điều chỉnh độ mặn trong các hồ nuôi bằng cách: Bổ sung nước hồ nuôi thường xuyên, tăng cường sục khí,...

+ Bên cạnh đó, cần bổ sung chế phẩm sinh học vào hồ nuôi định kỳ 10 ngày/lần, nhằm cân bằng hệ vi sinh vật trong hồ, phân hủy lượng chất thải, giải phóng khí độc, ổn định môi trường trong hồ nuôi. Đồng thời trộn chế phẩm sinh học vào thức ăn cho tôm, kích thích tiêu hóa giúp tôm lớn nhanh, giảm lượng chất thải rắn phát sinh.

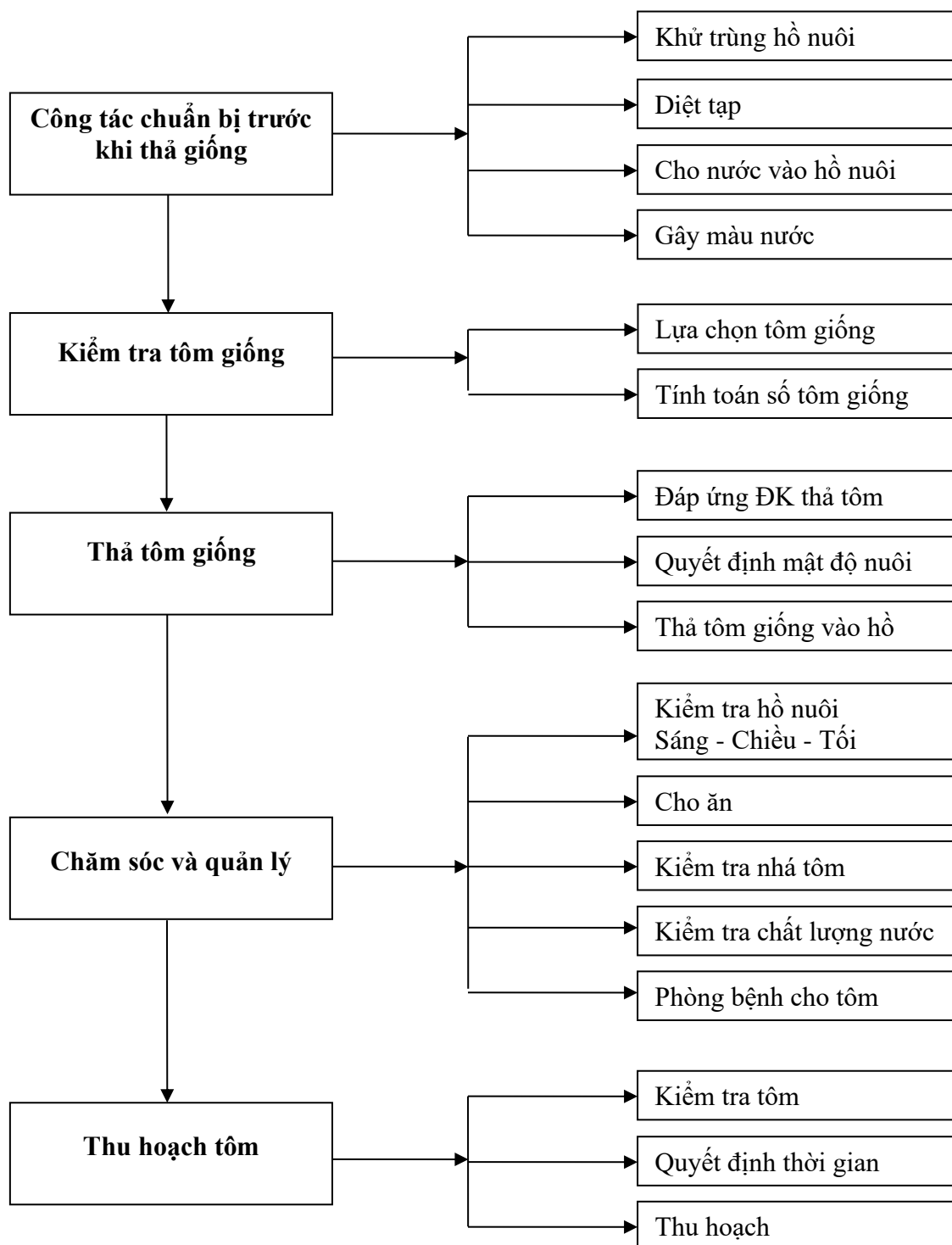
** Phòng bệnh cho tôm:*

Thường xuyên theo dõi các hoạt động của tôm hàng ngày, kiểm tra tăng trưởng kết hợp kiểm tra dấu hiệu bệnh lý của tôm. Các bệnh thường gặp trên tôm thẻ chân trắng là hội chứng Taura, bệnh đốm trắng, các bệnh do vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật.

Hạn chế bệnh trên tôm nuôi, từng biện pháp phòng ngừa tổng hợp liên quan đến cả quá trình tổ chức sản xuất từ khâu chọn con giống chất lượng, sạch bệnh đến quản lý tốt môi trường hồ nuôi và cho ăn đúng phương pháp.

* Thu hoạch:

Sau khi tôm nuôi khoảng 90 - 120 ngày, trọng lượng tôm đạt bình quân từ 35-45 con/kg là thu hoạch.



Hình 1.2. Quy trình nuôi tôm công nghệ cao

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Tôm thẻ chân trắng 350 tấn/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Con giống

- Loài nuôi: Tôm thẻ chân trắng.

- Mật độ thả tôm: 100-150 con P₁₀/m² (trung bình lựa chọn mật độ 120 con P₁₀/m²).

Diện tích hồ nuôi: 413.226 m².

- Lượng tôm giống cần thiết: 120 × 413.226 = 49.587.120 con.

4.2. Nhu cầu về thức ăn, hóa chất phục vụ nuôi trồng thủy sản

- Nguồn cung cấp: Công ty TNHH Grobest Việt Nam. Định kỳ 1 lần/tuần.

- Nhu cầu sử dụng thức ăn: Tổng lượng thức ăn cần thiết cho 1 vụ nuôi là: 350 × 1,2 = 420 tấn/vụ.

- Đối với thuốc thú y và các hóa chất sử dụng để xử lý nước, tạo môi trường nuôi, phòng trừ dịch bệnh được mua của Công ty TNHH Bayer Việt Nam tại Sài Gòn. Các loại hóa chất, thuốc thú y sẽ được vận chuyển về Khu NTTS tùy thuộc vào thời điểm nuôi trồng thủy sản. Nhu cầu về thức ăn, thuốc thú y và hóa chất sử dụng chính trong hoạt động NTTS của Công ty như sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng thức ăn, thuốc thú y và hoá chất sử dụng:

STT	Thành phần	Khối lượng	Ghi chú	
1	Vôi bột	40 tấn/năm	Xử lý nước trước khi thả	
2	Bio-Waste, BRE ₂ , CozymS, Epicin, Bio-Acto, BiobacM, phân vô cơ Ure	450 kg/năm	Cấy men vi sinh - gây màu nước	
3	Lotus (CP), Uni President (UP), Cargill, KP, CP, ...	417,225 tấn/năm	Thức ăn	
4	Men tiêu hoá	500 kg/năm		
5	E-StayC	275 kg/năm		
6	Dầu mực	4.500 lít/năm		
7	Sulftrim	500 kg/năm		
8	Higro-Biotic 4000	500 kg/năm		
9	Shrimp Park 200	500 kg/năm		
10	Khoáng chất	500 kg/năm		
11	Zeolite bột	5.000 kg/năm		Quản lý đáy hồ
	Vôi đen {MgCa(CO ₃) ₂ }	5.500 kg/năm		Quản lý pH nước
	CaMg(CaCO ₃) ₂ hoặc vôi sống CaCO ₃	10.500 kg/năm	Quản lý độ kiềm	
12	Vôi Super-Ca hoặc Dolomite	7.200 kg/năm	Thu hoạch	
13	Formol 50-70ppm hoặc Chlorine 50-100ppm	79 liều/năm	Khử trùng hồ	
14	Vitamin C	79 liều/năm	Bổ sung dinh dưỡng	
15	Chế phẩm sinh học EM	636 lít/năm	Xử lý nước thải	

STT	Thành phần	Khối lượng	Ghi chú
16	Clorin (2-3g/m ³)	1,272 tấn/năm	Xử lý nước thải

4.3. Cấp điện

- Nguồn cung cấp: Lấy từ đường điện trung thế 10 KV dọc theo đường Tỉnh lộ 19/5, đoạn đi qua Khu NTTS.

- Nhu cầu sử dụng điện: Cung cấp điện hoạt động hệ thống quạt nước bổ sung oxy cho các hồ nuôi, bơm nước, chiếu sáng, phục vụ sinh hoạt.

- Ngoài ra, Cơ sở còn 03 máy phát điện dự phòng, trong đó 01 máy có công suất 500kWh, 02 máy có công suất 275 kWh để phát điện khi mất điện lưới.

4.4. Cấp nước

* Nước phục vụ sinh hoạt:

- Nguồn cung cấp: Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân được lấy từ giếng khoan đặt trong Khu văn phòng.

- Nhu cầu sử dụng nước phục vụ cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên: 3,6 m³/ngày.đêm.

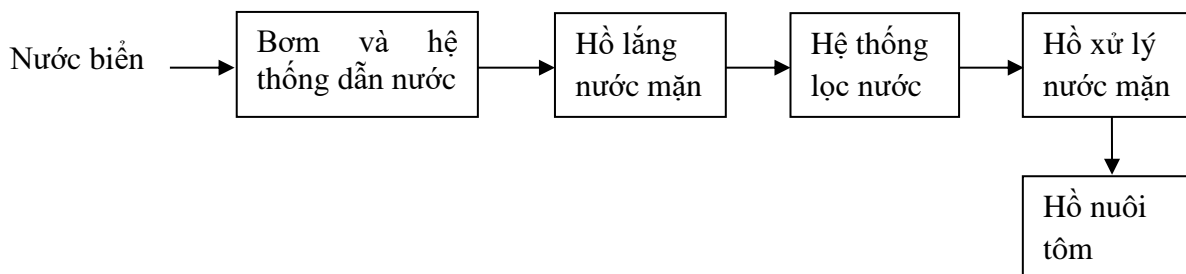
* Nhu cầu cấp nước cho hồ nuôi:

- Nước cấp cho hoạt động nuôi trồng thủy sản là nước biển Đông. Nước biển được bơm qua trạm bơm đặt cách Khu NTTS 1,1km và dẫn về hồ lắng nước mặn bằng 02 ống PVC D400. Nước cấp cho mục đích nuôi tôm nên không thường xuyên. Với hệ thống hồ nuôi gồm 79 hồ nuôi trên diện tích 413.226 m², mức nước bơm vào mỗi hồ khi nuôi là 1,2m. Ngoài ra, còn có lượng nước rửa hồ trước khi nuôi và lượng nước bổ sung 1 lần/tháng (Theo số liệu hoạt động NTTS của Công ty thì trung bình 3 lần/năm, mỗi lần khoảng 15%). Tổng lượng nước cần cung cấp cho một năm nuôi là:

Bảng 1.3. Lượng nước cấp nuôi tôm mỗi năm:

Hồ nuôi	Diện tích (m ²)	Nước cấp (m ³)	Nước vệ sinh hồ (10%)	Nước bổ sung (45%)	Tổng (m ³)
79	413.226	495.871	49.587	223.141	768.599

* Công nghệ xử lý nước cấp: Áp dụng công nghệ lọc nước của Việt Nam, cụ thể:



Hình 1.3: Quy trình xử lý nước cấp cho Khu NTTS.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt quy hoạch chi tiết mặt bằng sử dụng đất từ năm 2021, đảm bảo phù hợp với quy hoạch tỉnh cũng như phù hợp với tổ chức không gian kiến trúc, quy hoạch phát triển của huyện Thạch Hà thời điểm hiện tại cũng như trong tương lai.

- Quy hoạch BVMT Quốc gia:

Theo Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024, cho thấy khu vực triển khai dự án không nằm trong danh mục vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải tại phụ lục kèm theo. Dự án có các đặc điểm phù hợp với các nhóm nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường được nêu trong dự thảo Quy hoạch, bao gồm nhóm giải pháp giảm thiểu tác động đến môi trường từ phát triển kinh tế - xã hội, nhóm giải pháp quản lý chất thải. Dự án không mâu thuẫn với quan điểm, định hướng, mục tiêu của quy hoạch BVMT Quốc gia.

- Về quy hoạch tỉnh:

Dự án hoàn toàn phù hợp với Quy hoạch của tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; cụ thể tại điểm c, khoản 1, mục III - Phương án phát triển ngành thủy sản của tỉnh có nêu rõ: Quan tâm đầu tư sản xuất giống và chế biến; hình thành cụm liên kết phát triển nuôi tôm thâm canh công nghệ cao trên địa bàn các huyện: Nghi Xuân, Lộc Hà, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, thị xã Kỳ Anh và thành phố Hà Tĩnh.

- Về quy hoạch sử dụng đất:

Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BG481915 ngày 20/6/2012, thời hạn sử dụng đến ngày 12/12/2031. Vị trí cơ sở thuộc loại đất nuôi trồng thủy sản theo Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 08/9/2022.

- Về quy định bảo vệ môi trường:

Theo quy mô và loại hình thực hiện dự án chiếu theo Phụ lục II Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ xác định dự án không thuộc nhóm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Phù hợp với loại hình dự án thuộc Điểm a Khoản 4 Điều

28 Luật Bảo vệ môi trường, phù hợp với loại hình dự án nhóm C theo quy định của Luật Đầu tư công.

Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 19651/QĐ-UBND ngày 02/7/2018. Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở đã tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về môi trường theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và quy định của Luật Bảo vệ môi trường hiện hành.

Vì vậy hoạt động của cơ sở là hoàn toàn phù hợp với các quy định về bảo vệ môi trường và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển thủy sản, quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà nói riêng và tỉnh Hà Tĩnh nói chung.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hiện nay, khả năng chịu tải của môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh chưa được ban hành. Tuy nhiên, căn cứ các đánh giá tại báo cáo ĐTM của dự án (thực hiện năm 2018) thì chất lượng các thành phần môi trường tự nhiên khu vực triển khai dự án hiện còn khá tốt, hầu như chưa có dấu hiệu ô nhiễm. Chất lượng các thành phần môi trường đất, nước, không khí khu vực dự án đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn hiện hành. Như vậy, môi trường nền khu vực dự án hoàn toàn đáp ứng khả năng chịu tải các loại chất thải của dự án (sau khi đã được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường). Từ khi triển khai thi công dự án đến nay, Khu vực dự án chưa để xảy ra sự cố môi trường nào, công tác chấp hành các quy định bảo vệ môi trường được thực hiện đầy đủ.

- Đối với nước thải:

Nước thải của dự án sau khi xử lý sẽ được xả ra vùng biển xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà. Vì vậy trong báo cáo này không đánh giá khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận đối với nước thải.

- Đối với khí thải:

Dự án không phát sinh khí thải. Hiện tại, xung quanh khu vực dự án chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp và không có nguồn khí thải công nghiệp lưu lượng lớn. Qua dữ liệu chất lượng môi trường cho thấy không khí khu vực chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Đào các rãnh thu nước xung quanh khu văn phòng làm việc, nhà xưởng, nhà kho bằng mương bê tông hoặc mương đất. Nước mưa sau khi được thu từ các mái nhà, mặt bằng trong khu văn phòng qua các rãnh thu nước dẫn về mương thoát. Mương thoát xây bằng gạch, có nắp đậy, dốc theo hướng về kênh thải. Nước mưa từ các bờ hồ nuôi tôm theo rãnh bê tông dọc đường sau đó dẫn về kênh thải.



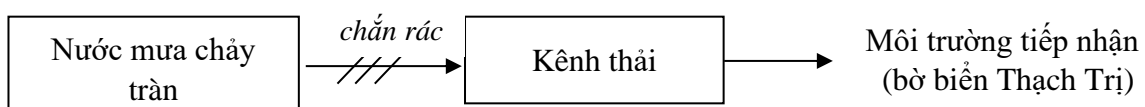
Hình 3.1: Mương thu gom, thoát nước mưa đường nội bộ trong khu nuôi

Quy mô, khối lượng của hệ thống thu gom nước mưa được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.1: Quy mô, khối lượng hạng mục thoát nước mưa

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Mương thoát nước mưa BTCT B300mm	m	200
2	Rãnh thoát nước mưa BTCT B300mm	m	860
3	Song chắn rác	Cái	6
4	Cửa xả	Cái	01

- Nước mưa được dẫn ra kênh thải sau đó chảy ra bờ biển xã Thạch Trị thông qua khe Làng Khe phía Đông khu vực nuôi trồng thủy sản.



Hình 3.1: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Trang trại

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

* Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên làm việc tại khu nuôi trồng thủy sản ($3\text{m}^3/\text{ngày đêm}$).

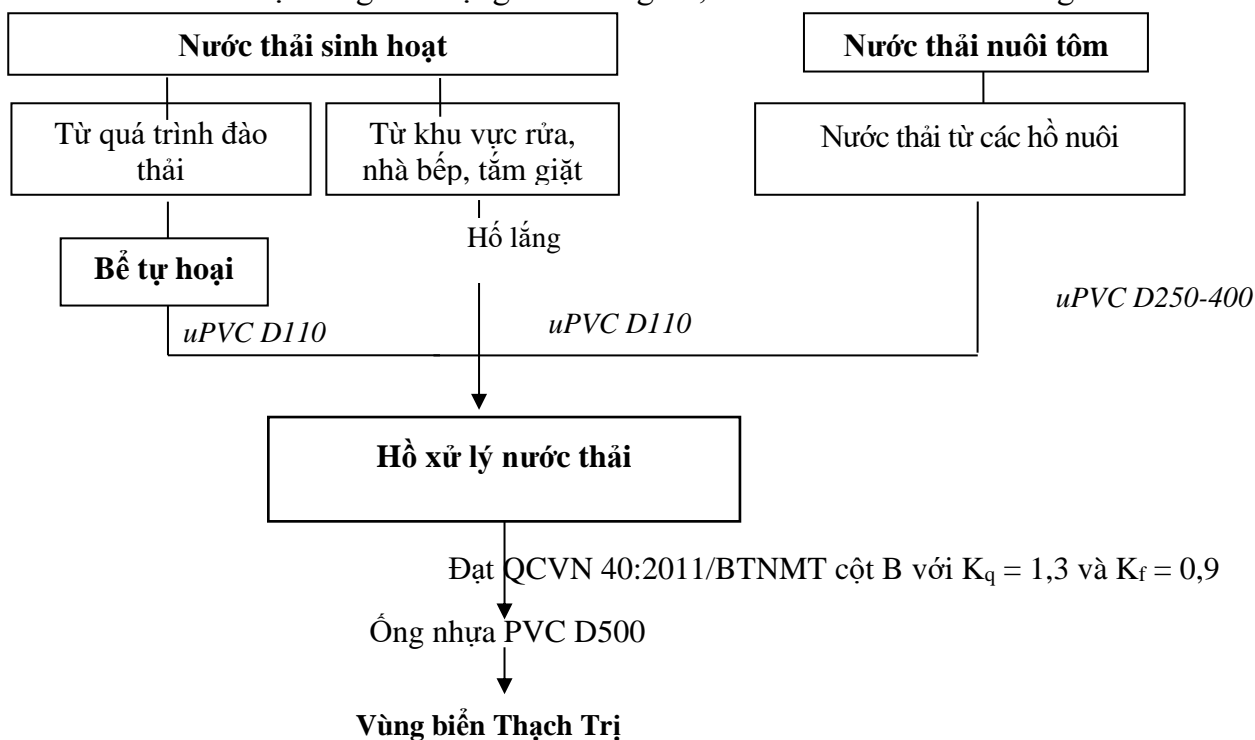
- Nước thải từ hoạt động nuôi tôm:

Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động nuôi tôm với lưu lượng phát sinh của 1 vụ nuôi là 545.458 m^3

Bảng 3.2. Thông tin các bể tự hoại

TT	Vị trí đặt bể	Kích thước (m)	Số lượng (bể)	Dung tích (m^3)
1	Tại khu nhà văn phòng, nhà điều hành, nhà kho	2,0m x 4,0m x 1,0m	03	8

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải của Trung tâm:



Hình 3.2. Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải của dự án

* Công trình thu gom nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh của công nhân được thu gom về xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (gồm 08 bể xây ngầm ở công trình nhà vệ sinh, thể tích 2 m^3 , kích thước $2,0\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,0\text{m}$), sau đó thoát theo đường ống uPVC D110 (dài 200m) rồi dẫn về hồ xử lý nước thải.

- Nước thải nuôi tôm: Nước thải phát sinh tại mỗi hồ nuôi thoát bằng ống nhựa U.PVC CLASS D250 dẫn ngầm dưới đáy hồ vào chính giữa hồ, tại đây có xi phông thoát nước. Nước thải từ các ống uPVC D250 (dài 6.478m) được dẫn về ống thoát nước cấp 1 uPVC D400 (dài 1.470m) rồi chảy về kênh thoát nước thải (ngăn cách giữa Khu nuôi số 1 và Khu nuôi số 2) sau đó được dẫn vào các hồ xử lý nước thải để xử lý bằng cống tiêu có đường kính D800 (dài 40m).

Bảng 3.3. Tổng hợp khối lượng thu gom thoát nước thải

TT	Chủng loại	Chiều dài	Ghi chú
1	Ống PVC D110	200 (m)	Thu gom nước thải sinh hoạt
2	Cống BTCT D800	40 (m)	Thu gom nước thải từ khu 2 hồ xử lý nước thải
3	Ống PVC D250	6.478 (m)	Dẫn nước thải từ các hồ nuôi
4	Ống PVC D400	1.470 (m)	Dẫn nước thải từ các hồ nuôi
5	Ống PVC D500	1.350 (m)	Dẫn nước thải từ hồ xử lý ra biển
6	Kênh thải	950 (m)	Dẫn nước mưa chảy tràn ra biển
7	Hố gas thu nước	20 hố	Thu gom nước thải từ các hồ nuôi dẫn ra ống dẫn nước thải

(Nguồn: Hồ sơ dự án)

*** Công trình thoát nước thải:**

Nước thải sau khi xử lý tại các hồ sinh học đạt QCVN 02 - 19:2014/BNNPTNT và QCVN 40:2011/BTNMT cột B với $K_q = 1,3$ và $K_f = 0,9$ được dẫn thải ra vùng biển xã Thạch Trị.

- Vị trí điểm đầu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống đường ống thoát nước thải có tọa độ X = 2032251, Y = 551483 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°).

3.1.3. Công trình xử lý nước thải

*** Yêu cầu về công trình xử lý nước thải theo quyết định phê duyệt ĐTM:**

Toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án (bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải nuôi tôm) được thu gom về các hồ sinh học để xử lý đạt QCVN 02 - 19:2014/BNNPTNT và QCVN 40:2011/BTNMT cột B với $K_q = 1,3$ và $K_f = 0,9$.

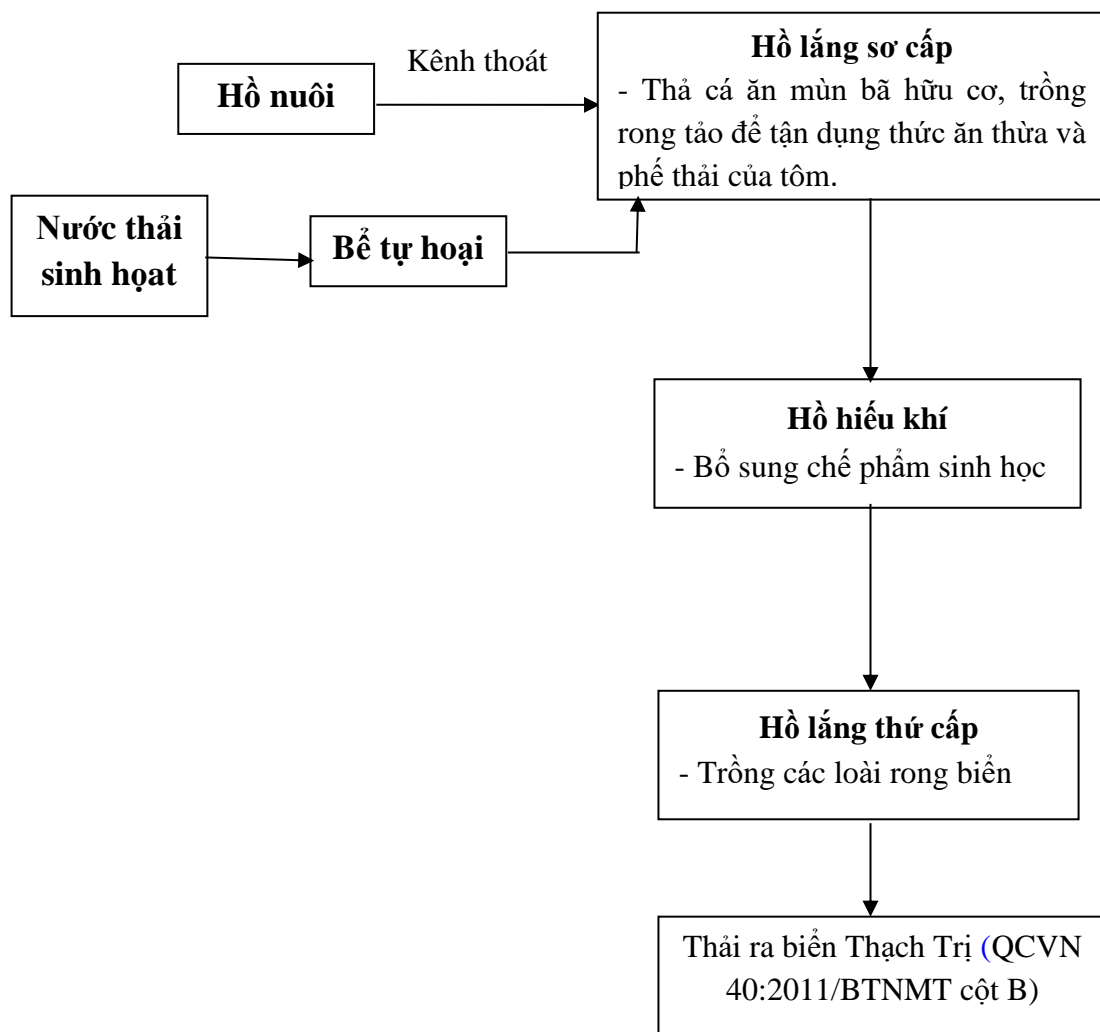
Quy trình công nghệ xử lý nước thải đã phê duyệt: Nước thải sinh hoạt và nước thải nuôi tôm → Hồ lắng sơ cấp → Hồ hiếu khí → Hồ lắng thứ cấp → Ra nguồn tiếp nhận.

*** Mô tả hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng:**

Hệ thống xử lý nước thải của Khu nuôi trồng thủy sản được xây dựng như báo cáo ĐTM đã phê duyệt

Tóm tắt quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng như sau: Nước thải sinh hoạt và nước thải nuôi tôm → Hồ lắng sơ cấp → Hồ hiếu khí → Hồ lắng thứ cấp → Ra nguồn tiếp nhận.

Công suất xử lý: 545.458 m³/vụ nuôi.



Hình 3.4. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải tại cơ sở

*** Thuyết minh quy trình công nghệ:**

- Hồ xử lý nước thải nằm cuối kênh và gồm nhiều hồ khác nhau. Nước thải khi thay nước, khi thu hoạch, khi rửa hồ đều được dẫn về hồ xử lý. Trước khi thu hoạch 1 tuần, nước được bổ sung thêm chế phẩm vi sinh để tăng quá trình phân hủy của các chất hữu cơ trước khi chảy về hồ xử lý nước thải. Trước khi thu hoạch thả 1/3 lượng nước trong hồ nuôi để tiện cho việc kéo lưới thu hoạch, sau đó tháo kiệt để tận thu. Thời gian lưu nước trong các hồ xử lý phụ thuộc vào nồng độ ô nhiễm, lưu lượng nước thải. Trong các hồ xử lý nước thải sẽ nuôi thêm các loại cá như cá rô phi, cá trê nhằm xử lý các chất rắn lơ lửng và rong tảo.

- Tại hồ xử lý nước thải sẽ xảy ra hai quá trình:

+ Tại các hồ lắng sơ cấp: Diễn ra công đoạn xử lý ban đầu là làm sa lắng chất rắn lơ lửng. Công đoạn này được thực hiện trong hồ lắng sơ cấp và có thể loại bỏ được 60% TSS, 30% P và 20% N tồn tại ở dạng rắn.

+ Hồ hiếu khí tự nhiên: Phần nước bề mặt sau đó được chuyển sang hồ hiếu khí tự nhiên. Hồ này được thiết kế sao cho ánh sáng mặt trời thâm nhập vào lớp nước nhiều

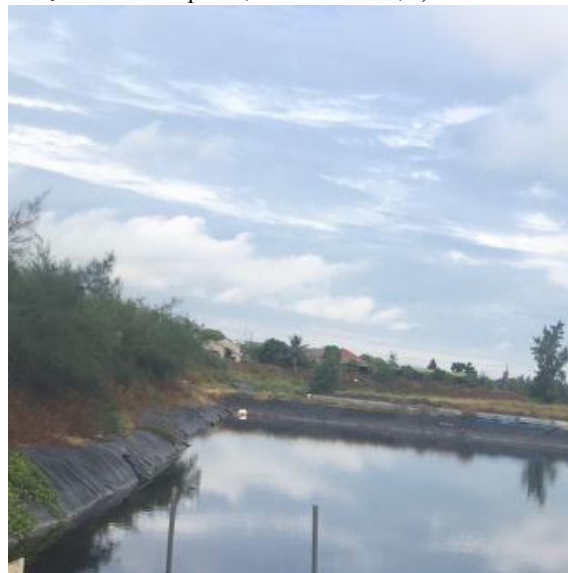
nhất, làm phát triển tảo do hoạt động quang hợp để tạo oxy, điều kiện thông khí đảm bảo từ mặt đến đáy hồ. Các loài rong, tảo sẽ tiêu thụ các chất dinh dưỡng hòa tan trong nước. Mặt khác trong điều kiện hiếu khí sẽ xảy ra quá trình sinh hoá để chuyển hoá chất hữu cơ dưới tác dụng vi khuẩn NitroSomonas NH_4^+ sẽ bị ô xi hoá thành NO_2 , NO_3 . Ngoài ra có thể bổ sung chế phẩm sinh học EM để xử lý, tạo điều kiện cho tảo phát triển. Với phương pháp kết hợp như trên thì lượng TSS, N, P giảm đáng kể khoảng 70 - 90%.

+ Sau đó nước được chuyển sang hồ lắng thứ cấp: Tại hồ lắng thứ cấp trồng các loại rong biển như rong câu chỉ vàng. Như vậy, bằng các biện pháp kết hợp nói trên, có thể giảm được lượng N, P và các chất hữu cơ có trong nước thải bao gồm cả dạng không tan và dạng hòa tan trong nước.

Nước thải sau khi xử lý có hàm lượng TSS, N, P đã giảm đáng kể. Lượng nước này sẽ thải ra biển với nồng độ chất ô nhiễm đảm bảo thấp hơn giới hạn cho phép theo (QCVN 02 - 19:2014/BNNPTNT và QCVN 40:2011/BTNMT cột B với $K_q = 1,3$ và $K_f = 0,9$).



Hồ lắng sơ cấp



Hồ lắng thứ cấp



Hồ hiếu khí



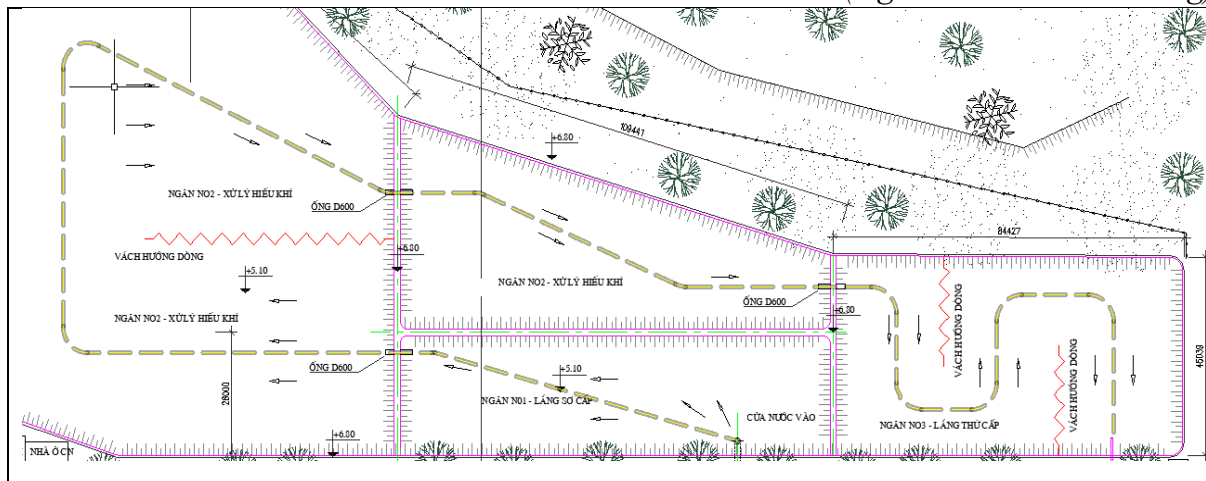
Kênh dẫn nước thải

Hình 3.5. Hình ảnh các công trình xử lý nước thải đã được xây dựng

Bảng 3.5. Các công trình xử lý nước thải đã xây dựng

TT	Tên hạng mục công việc	Đơn vị	Số lượng	Thời gian lưu
1	Bể tự hoại, kích thước D _x R _x H = 2x1x1,0m = 2m ³	bể	08	1 ngày
2	Hố ga, kích thước D _x R _x H = 1,2x1,2x2m = 2,88m ³	hố	01	30 phút
3	Hồ hiếu khí số 1 lót bạt HDPE, kích thước D _x (R _N +R _L)xH/2 = 104x(196+77)x3m/2 = 42.588m ³	hồ	01	18,7 ngày
4	Hồ lắng sơ cấp số 1, kích thước D _x R _x H = 105x28x4m = 11.760m ³	hồ	01	5,2 ngày
5	Hồ hiếu khí số 2 lót bạt HDPE, kích thước D _x (R _N +R _L)xH/2 = 105x(49+17)x3m/2 = 10.395m ³	hồ	01	4,6 ngày
6	Hồ lắng thứ cấp, kích thước D _x R _x H = 84x45x4m = 15.120m ³	hồ	01	6,6 ngày
7	Hồ lắng sơ cấp số 2, kích thước D _x R _x H = 315x40x4m = 50.400m ³	hồ	01	44 ngày
8	Hồ lắng sơ cấp số 3 lót bạt HDPE, kích thước D _x (R _N +R _L)xH/2 = 77x(176+76)x4m/2 = 38.808m ³	hồ	01	34 ngày

(Nguồn: Hồ sơ hoàn công)



Hình 3.6. Sơ đồ lưu chuyển dòng nước thải tại cơ sở

*** Chế phẩm sinh học cần sử dụng:**

Định kỳ 1 tuần/lần bổ sung các chế phẩm sinh học cho vào các hồ xử lý nước thải để tăng hiệu quả xử lý, với liều lượng khoảng 500 g/lần.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

*** Khối lượng chất thải sinh hoạt:**

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại cơ sở: 15,0 kg/ngày;

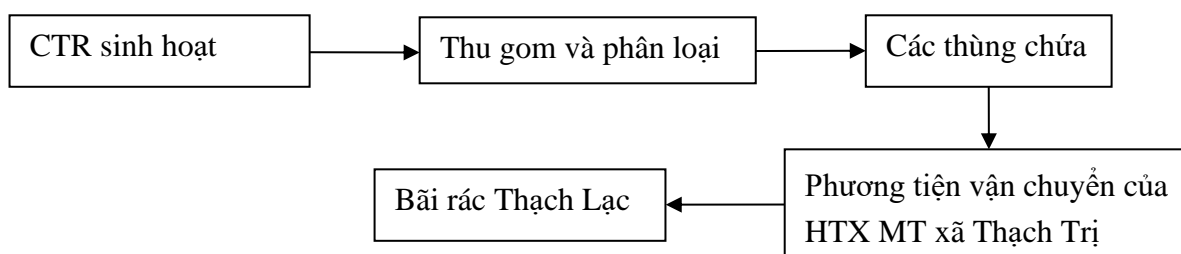
** Phương pháp xử lý:*

Bố trí các các giỏ đựng chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực nhà bếp và nhà sinh hoạt của cán bộ, công nhân. Sau khi thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt được tập kết về 03 thùng đựng rác (mỗi thùng có dung tích 80 lít, nắp đậy và dán nhãn bên ngoài) đặt tại nhà kho có diện tích khoảng 6m², nền xi măng chống thấm và mái lợp fro xi măng. Vị trí nhà kho được bố trí tại góc phía Đông Nam khu vực văn phòng làm việc. Chất thải rắn sinh hoạt sau khi được thu gom và phân thành 03 loại được xử lý như sau:

+ Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng như các lon đựng nước giải khát, giấy được thu gom vào thùng đựng, định kỳ bán phế liệu.

+ Chất thải thực phẩm như thực phẩm thừa, rau củ hỏng tận dụng làm thức ăn cho cá hoặc được đưa về tại hồ ủ phân hữu cơ trong khuôn viên của cơ sở.

+ Đối với chất thải không có khả năng tái sử dụng, tái chế được thu gom vào thùng đựng sau đó hợp đồng với Hợp tác xã môi trường xã Thạch Trị đưa đi xử lý, định kỳ 1 tuần/lần.



Hình 3.7: Sơ đồ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt

3.2. Chất thải rắn từ nuôi tôm

** Khối lượng bùn thải phát sinh từ nuôi tôm:*

- Khối lượng bùn thải phát sinh từ quá trình nuôi tôm khoảng 12,6 tấn/năm.

** Phương pháp xử lý:*

Do đó, lượng bùn dư từ các hồ nuôi sau thu hoạch, Công ty áp dụng các biện pháp sau:
+ Sau khi thu hoạch tôm tại các hồ nuôi, tiến hành làm sạch đáy hồ, làm sạch lớp bùn, chất hữu cơ bám trên bề mặt và đáy hồ, đồng thời tạo điều kiện cho việc oxy hóa và giải phóng các khí độc tích tụ dưới đáy hồ dễ dàng hơn.

+ Sau khi làm sạch đáy hồ sẽ bổ sung các chế phẩm sinh học EM và vôi để ổn định bùn thải, đồng thời đánh thành đồng nhỏ, đảo trộn và phơi khô tại các đáy hồ nhằm giảm tổng thể tích của bùn, ngoài ra còn giúp đáy hồ tiếp xúc với không khí tăng cường khả năng oxy hóa các chất hữu cơ và các sản phẩm khử bằng các quá trình hóa học và vi sinh học. Thời gian ủ bùn từ 30-40 ngày, bùn thải sẽ phân hủy hoàn toàn thành phân bón hữu cơ để bón cho cây trồng khu vực Công ty. Bổ sung vôi vào bùn ngoài giảm độ chua. Phân bón sẽ bón cho cây Phi lao và cây dừa trong khu vực dự án.

+ Các hồ nuôi luân phiên, do vậy, sau khi thu hoạch tôm, bùn được tập kết tại ao nuôi, sau thời gian ủ được mang đi bón cây.

3.3. Các loại bao bì đựng thức ăn

** Khối lượng phát sinh:*

Khối lượng bao bì đựng thức ăn trong quá trình nuôi tôm 30 kg/ngày.

** Phương pháp xử lý:*

Bao bì đựng thức ăn sẽ được thu gom và bán phế liệu.

4. Công trình, thiết bị lưu giữ chất thải rắn nguy hại

Không phát sinh

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công ty đã trồng cây xanh với diện tích là 98.731m² bao gồm các loại cây: hàng rào phi lao từ cổng vào đến khu văn phòng, dừa, mật gấu nhằm cách ly tạo thành bức tường ngăn cách ranh giới cơ sở và khu dân cư xóm Đại Tiến để giảm phát tán cát bay từ biển vào mùa hè, đồng thời điều hòa vi khí hậu, giảm tiếng ồn, bụi và mùi.

- Kiểm tra thường xuyên và siết lại các ốc, vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các máy bơm, máy phát điện,.....nhằm hạn chế các nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Máy phát điện được đặt trong nhà riêng để che nắng, che mưa và giảm thiểu tiếng ồn ra xung quanh trong khi hoạt động.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Sau khi đi vào hoạt động, Chủ cơ sở đã xây dựng đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở và thực hiện nghiêm túc các nội dung theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt như: Tiến hành quan trắc định kỳ chất lượng nước thải; hằng năm nộp phí nước thải ; thường xuyên bố trí công nhân vận hành và kiểm tra, theo dõi các công trình xử lý chất thải. Vì vậy, trong suốt thời gian vừa qua Trang trại chưa có sự cố môi trường nào xảy ra. Tuy nhiên, để công tác bảo vệ môi trường tại Trang trại tiếp tục được đảm bảo trong thời gian tới thì Chủ cơ sở đã và đang thực hiện các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường như sau:

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố dịch bệnh

*** Các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh:**

Trong nuôi tôm thương phẩm việc phòng bệnh hơn chữa bệnh vì: Tôm sống trong môi trường nước cho nên việc phát hiện bệnh rất khó, nếu có phát hiện được bệnh thì việc chữa bệnh mang lại hiệu quả không cao mà lại tốn kém. Do đó biện pháp phòng bệnh là chính và được thực hiện như sau:

+ Cải tạo, chuẩn bị hồ nuôi tốt, khử trùng để loại bỏ mầm bệnh có trong nguồn nước và có trong hồ do các kỹ chủ mang mầm bệnh như (cua, ốc, cá).

+ Thức ăn sử dụng có chất lượng tốt, cho ăn đủ không dư thừa, không sử dụng thức ăn ảm mốc.

+ Các chỉ số môi trường ổn định, không tăng, giảm đột ngột. Oxy luôn được duy trì ở mức lớn hơn 4mg/lít, không để xảy ra hiện tượng tảo chết đột ngột.

+ Tiến hành khử trùng các dụng cụ trước và sau khi sử dụng.

+ Xây dựng hàng rào bằng lưới B40 bao quanh khu vực nuôi không để gia súc, gia cầm vào khu vực hồ nuôi tôm.

+ Phối hợp với các đơn vị nuôi lân cận để có biện pháp khắc phục và đảm bảo an toàn dịch bệnh cho vùng nuôi của Công ty.

+ Tăng cường vitamin C, tỏi giã mịn trộn vào thức ăn, giúp tôm có sức đề kháng bệnh.

+ Bổ sung nước kịp thời để duy trì độ mặn thích hợp, kích thích tảo phát triển. Khi nước hồ nuôi bị nhiễm bẩn hoặc tôm bị bệnh hoặc tôm khó lột xác thì rút bớt khoảng 15 – 20% nước hồ và thay bằng nước mới.

+ Phòng sự lây lan bệnh từ các vùng lân cận.

+ Tuân thủ đầy đủ các quy trình nuôi.

+ Kiểm tra thường xuyên tốc độ phát triển của tôm.

+ Thường xuyên kiểm tra sức khỏe của tôm, khi thấy tôm có biểu hiện bất thường hoặc có biểu hiện bệnh lý phải xác định rõ nguyên nhân để xử lý.

+ Xử lý tảo tàn:

- Dùng vôi để xử lý nước trong hồ, sau đó thay bớt nước đáy hồ (nước đã qua xử lý) mỗi ngày 20-30%. Hoặc dùng đường mật 3-5kg/1000m³ liên tục trong 5 ngày. Sau đó sử dụng men vi sinh để xử lý. Khi tảo giảm tiếp tục sử dụng thêm vi sinh và đường mật (2kg/1000m³). Dùng vôi rải, tạt vào buổi tối thường từ 19 giờ đến 20 giờ để tăng hiệu quả cắt tảo trong ao.

- Tăng cường sử dụng các chế phẩm sinh học mà trong thành phần có chứa các giống vi khuẩn như: Nitrosomonas, Nitrobacter, các chế phẩm sinh học có chứa vi khuẩn thuộc nhóm Bacillus như: Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus, Bacillus licheniformis, Bacillus circulans, Bacillus polymyxa...các nhóm vi khuẩn này sẽ tiếp tục thực hiện phân giải NO₃⁻ thành N₂ và được giải phóng ra ngoài không khí dưới tác dụng của máy quạt nước, do vậy NO₃⁻ không được tích lũy lại nên không làm cho tảo phát triển mạnh.

- Ngoài ra, sử dụng supper canxi để cắt tảo. Thời gian xử lý là vào ban đêm, sau khi cho tôm ăn khoảng 30 - 60 phút.

+ Trong vụ nuôi, Công ty tiến hành quan trắc, giám sát tình hình dịch bệnh trong Khu NTTS và các vùng lân cận để có phương án phòng trừ dịch bệnh kịp thời.

+ Thường xuyên quan trắc kiểm tra chỉ tiêu Vibrio tổng số có trong nước của hồ để phòng ngừa các bệnh vi khuẩn có khả năng gây ra trên tôm, đặc biệt là bệnh hoại tử gan tụy cấp (hay còn gọi là chết sớm).

+ Khi thời tiết nắng nóng, các hồ nuôi thường xuyên được bổ sung thêm nước, tăng cường sục khí, giảm mật độ nuôi nhằm giảm độ mặn cho nước hồ nuôi. Sử dụng các chế phẩm sinh học có chứa các loại vi khuẩn thuộc nhóm Bacillus, Nitrobacter để các chủng vi sinh này sẽ sử dụng trực tiếp chất hữu cơ có trong ao, vừa khử NO₃⁻ thành N₂ dạng khí thoát ra ngoài, vừa giảm lượng muối dinh dưỡng có trong hồ từ đó làm hạn chế sự gia tăng mật độ tảo cũng như giảm độ mặn cho các hồ nuôi.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch giữa các hồ nuôi như:

+ Tuyệt đối không dẫn nước từ hồ nuôi này sang hồ nuôi khác;

+ Khi phát hiện mầm bệnh tại hồ nuôi, Công ty yêu cầu cán bộ kỹ thuật kiểm tra, xác định nguyên nhân gây ra mầm bệnh, nếu như do nguồn nước cấp thì Công ty sẽ tiến hành ngừng cung cấp nước cho các hồ nuôi và tiến hành xử lý nước khỏi mầm bệnh sau đó mới cung cấp lại cho các hồ nuôi;

+ Các hồ nuôi chưa bị nhiễm bệnh sẽ được khử trùng, sử dụng các chế phẩm sinh học cần thiết để phòng trừ dịch bệnh;

+ Các dụng cụ kiểm tra chất lượng nước hay mầm bệnh tại hồ nuôi có nguy cơ bị dịch không được đưa đi sử dụng cho các hồ nuôi khác.

+ Không cho người lạ vào khu nuôi khi chưa được sự cho phép của người quản lý; các phương tiện ra vào khu nuôi sẽ được phun khử trùng tại khu vực cổng.

*** Các biện pháp xử lý trong trường hợp dịch bệnh:**

+ Khi xác định được nguyên nhân gây bệnh thuộc danh mục bệnh thủy sản Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Công ty sẽ thông báo dịch với chính quyền, cơ quan thú y và các hộ nuôi xung quanh biết.

- Thực hiện theo đúng quy trình, hướng dẫn về phòng chống bệnh của cơ quan chuyên môn; áp dụng các biện pháp nhằm ngăn chặn dịch bệnh lây lan.

- Tất cả dụng cụ, bảo hộ lao động được dùng riêng cho cơ sở nuôi đang có bệnh và khử trùng sau mỗi lần sử dụng bằng hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan chuyên môn.

- Nếu tôm đạt kích cỡ thương phẩm sẽ tiến hành thu hoạch ngay để tránh thiệt hại. Tôm mắc bệnh chỉ được sử dụng theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; phương tiện vận chuyển kín, không rò rỉ nước hoặc rơi vãi tôm, nước ra ngoài môi trường trong quá trình vận chuyển sẽ được vệ sinh khử trùng trước và sau khi ra vào vùng dịch.

Nếu tôm chưa đạt kích cỡ thương phẩm, Công ty sẽ phối hợp cùng Chi cục Thú y và các đơn vị liên quan để được hướng dẫn, xử lý diệt mầm bệnh bằng hoá chất được phép sử dụng theo đúng quy trình, đảm bảo vệ sinh môi trường và khoanh vùng không để dịch bệnh lây lan.

- Sau khi thu hoạch Công ty sẽ xử lý diện tích nuôi có tôm bị bệnh bằng hoá chất được phép sử dụng theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Cung cấp đầy đủ thông tin và tạo điều kiện cho các cán bộ thú y lấy mẫu kiểm tra.

- Chỉ tiến hành thả lại sau khi có công bố hết dịch của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp đã công bố dịch), hoặc theo thông báo của cơ quan chuyên môn.

+ Đối với các cơ sở nuôi tôm ở khu vực xung quanh cơ sở nuôi tôm bị bệnh:

- Người chăm sóc, quản lý cơ sở nuôi không sang cơ sở bị bệnh. Đối với các cơ sở nuôi kín, tiến hành khử trùng tiêu độc trước và sau khi vào cơ sở đối với người và phương tiện.

- Tăng cường sức đề kháng cho tôm bằng cách bổ sung các loại vitamin, khoáng, vi lượng,...

- Thường xuyên theo dõi thông tin về dịch bệnh để có biện pháp xử lý kịp thời.

+ Vệ sinh, khử trùng đối với người và phương tiện được xử lý trước khi ra vào khu nuôi. Tại điểm ra, vào khu nuôi, Công ty sẽ bố trí nước và xà phòng để rửa tay hoặc chậu đựng dung dịch hóa chất khử trùng có clo với nồng độ 0,5% clo hoạt tính để ngâm rửa tay (ngâm tay 1 phút, sau đó rửa lại bằng nước sạch). Trước khi vào khu nuôi sẽ bố trí hồ khử trùng để khử trùng các phương tiện giao thông ra vào khu vực nuôi.

- Tổ chức khoanh vùng dịch, không xả nước hồ nuôi và tôm bị bệnh chưa qua xử lý ra ngoài môi trường, Công ty sẽ chỉ đạo thu hoạch nhanh tại các hồ bị dịch có tôm đã lớn trong vòng 1 - 3 ngày; tuyệt đối không tháo xả bớt nước để thu hoạch, không để nước và tôm nuôi bị bệnh rơi vãi ra môi trường xung quanh; tổ chức xử lý dập dịch kịp thời bằng hóa chất Chlorine, không để dịch lây lan ra diện rộng.

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Nhằm phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, Công ty thực hiện những biện pháp như sau:

- Cấm cán bộ, công nhân làm việc tại vùng nuôi không được sử dụng lửa, củi đun nấu, hút thuốc tại nhà kho;

- Yêu cầu cán bộ, công nhân làm việc tại vùng nuôi không được câu, mắc, sử dụng điện tùy tiện đồng thời hết giờ làm việc phải kiểm tra và tắt đèn, quạt, bếp điện, dây chuyền vận hành,... trước khi ra về;

- Việc sử dụng điện tại vùng nuôi thực hiện theo các nguyên tắc sau:

+ Không sử dụng dây đồng, dây bạc thay cầu chì;

+ Không dùng dây điện cắm trực tiếp vào ổ cắm;

+ Không để các chất dễ cháy gần cầu chì, bảng điện và đường dẫn điện.

- Khi xuất nhập hàng, yêu cầu lái xe không được nổ máy trong kho chứa thức ăn và khi đậu phải hướng đầu xe ra ngoài;

- Trang bị hệ thống, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định như: Bình chữa cháy, bình CO₂.

- Khi xuất hiện sự cố cháy sẽ: Huy động nhanh nhất các lực lượng, phương tiện để dập tắt ngay đám cháy; tập trung cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan; thống nhất chỉ huy, điều hành trong chữa cháy.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác phòng chống cháy rừng xung quanh khu vực dự án.

6.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố mưa, bão, sạt lở

Để phòng ngừa, ứng phó sự cố mưa, bão, sạt lở, Công ty TNHH Sao Đại Dương thực hiện một số biện pháp như sau:

- Theo dõi thường xuyên dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão, lốc xoáy nhằm có phương án đối phó kịp thời và có biện pháp thu hoạch trước khi lũ lụt xảy ra.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra sửa chữa, chằng chống nhà kho, nhà ở công nhân, nhà điều hành và cây xanh trong khuôn viên Dự án; Kiểm tra, sửa chữa hệ thống đường bao, đường ngăn các khu nuôi, các hồ nuôi, hệ thống cấp nước và thoát nước thải, tránh hiện tượng ngập lụt cuốn theo tôm từ các hồ nuôi ra môi trường xung quanh.

- Tiến hành nạo vét hệ thống thoát nước thải, mương thoát nước mưa trong toàn khuôn viên Khu NTTS nhằm hạn chế ngập lụt cuốn trôi chất bẩn gây ô nhiễm môi trường trên diện rộng. Hệ thống thoát nước thải Khu NTTS được nạo vét tại các hố ga với tần suất 3

tháng/lần do Công ty thực hiện. Hệ thống thoát nước từ vùng nuôi ra biển sẽ được Công ty TNHH Sao Đại Dương tiến hành nạo vét 1 năm/1 lần.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

- Tiến hành hạ thấp mực nước trong hồ nuôi khi có mưa bão, kiểm tra lại hệ thống bạt chống thấm để kịp thời sửa chữa nhằm giảm thiểu sự cố rò rỉ và vỡ bờ hồ trong mùa mưa bão.

- Thường xuyên kiểm tra chế độ nước hồ nuôi trong mùa mưa để hạn chế tốt nhất thiệt hại về kinh tế đối với sản phẩm từ hồ nuôi tôm.

- Kiểm tra hoạt động của tôm nuôi và môi trường nước trước và sau mưa để có biện pháp xử lý kịp thời, tăng cường gia cố, tu sửa bờ hồ, cống lấy nước để hạn chế hư hỏng, sạt lở làm thất thoát sản phẩm. Để hạn chế hiện tượng giảm độ mặn đột ngột trong hồ nuôi tôm, Công ty sẽ có kế hoạch điều tiết nước như trước khi mưa to sẽ lấy nước có độ mặn thích hợp vào hồ và để mực nước trong hồ cao nhất. Trong khi mưa không làm xáo trộn nước trong hồ nuôi và sau khi mưa sẽ nhanh chóng rút bớt nước ở tầng mặt của hồ bằng cách tháo các cánh phai của cống thoát. Chuẩn bị máy phát điện, máy sục khí để phòng khi điện lưới bị mất.

- Tích cực áp dụng các biện pháp phòng bệnh cho tôm khi thời tiết thay đổi bất thường như sau:

+ Thường xuyên quan sát tình trạng tôm bơi lội trong hồ. Khi có hiện tượng tôm nổi đầu cần xác định nguyên nhân là do đâu, nếu là do thiếu ô xy, cần tăng quạt nước, giảm lượng thức ăn, thay một phần nước hồ, hoặc cấp thêm nước mới vào hồ, tiến hành san thưa để giảm bớt mật độ. Đối với hồ nuôi sau mỗi lần thay nước sẽ xử lý nước bằng cách tạt vôi bột (vôi nông nghiệp) với liều lượng 3kg/100m³ nước để làm cho nước trong sạch.

+ Thường xuyên theo dõi mức nước, màu nước trong hồ để kịp thời điều chỉnh; theo dõi thời tiết nhất là những tháng chuyển mùa và những ngày chuyển trời để kịp thời điều chỉnh lượng thức ăn. Nếu mưa lớn kéo dài sẽ tiến hành rút bớt nước trong các hồ nuôi nhằm giảm khả năng tràn và vỡ nước của các bờ hồ.

+ Bảo đảm môi trường hồ nuôi trong sạch bằng các biện pháp hóa được như sử dụng bột đá, vôi bột, vôi nước bón định kỳ cho hồ nuôi. Có thể sử dụng hóa chất khác như Zeolite bón vào 3 tháng cuối chu kỳ nuôi để chúng hấp thu các độc tố (NH₃, H₂S) và kim loại nặng, liều dùng 1 - 2kg/100m³, định kỳ 10 ngày/lần. Hoặc sử dụng các chất có chứa Tricloisoxianuric axit định kỳ 7- 10 ngày/lần phun xuống hồ để khử trùng và diệt bớt tảo phát triển trong hồ nuôi thâm canh. Liều dùng 0,3 - 0,5g/m³ nước.

+ Tăng cường sức đề kháng cho tôm bằng cách bổ sung vitamin C hoặc tỏi già nghiền trộn vào thức ăn cho tôm ăn hàng ngày. Hoặc sử dụng chế phẩm sinh học Probiotic và enzyme tổng hợp để tăng cường tiêu hóa và bảo vệ đường ruột. Liều lượng và cách sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc sử dụng dầu mực nhằm bao bọc thức ăn và thuốc, tránh tan rã nhanh trong môi trường nước. Tạo mùi hấp dẫn cho tôm

bất môi nhiều. Liều dùng 10g/kg thức ăn.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà đã được điều chỉnh so với báo cáo đánh giá tác động môi trường như sau:

Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường thực tế so với phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM:

STT	Công trình biện pháp BVMT	Nội dung theo Báo cáo ĐTM/Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM	Nội dung đề nghị điều chỉnh	Nguyên nhân điều chỉnh
1	Chất thải nguy hại	Công ty bố trí 02 thùng Composit có nắp đậy với dung tích chứa mỗi thùng là 500 lít, thùng có màu vàng, ngoài có dán nhãn là thùng đựng chất thải nguy hại, 01 thùng chứa chất thải nguy hại là chất lỏng, 01 thùng chứa chất thải nguy hại là chất rắn. Khi lưu giữ đủ khối lượng thì Công ty sẽ hợp đồng với các đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Hiện nay, chất thải nguy hại của cơ sở không phát sinh nên không bố trí 02 thùng đựng Composit có nắp đậy với dung tích chứa mỗi thùng là 500 lít. Công ty sẽ không hợp đồng với các đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	
2	Xử lý nước thải từ hồ nuôi	Nước thải từ hồ nuôi sau khi được xử lý tại 06 hồ sinh học có tổng diện tích 64.326 m ² và được đào sâu trung bình 2m, thể tích chứa tối đa 128.652 m ³ như sau: + Khu nuôi 1: Hồ thải 1 có diện tích 13.822m ² ; Hồ thải 2 có diện tích 6.708m ² ; Hồ thải 3 có diện tích 3.832m ² .	Thay đổi diện tích và tên gọi của các hồ xử lý nước thải: 06 hồ sinh học có tổng diện tích 46.683 m ² và được đào sâu trung bình 3m, thể tích chứa tối đa 140.049 m ³ như sau: + Khu nuôi 1: Hồ hiếu khí số 1 lót bạt HDPE, kích thước $Dx(R_N+R_L)xH/2 = 104x(196+77)x3m/2 = 42.588m^3$; Hồ lắng sơ cấp số 1, kích thước $DxR x H = 105x28x4m =$	Do điều kiện địa hình, hiện trạng khu vực dự án nên một số hồ xử lý không thể xây dựng đúng theo bản vẽ Quy hoạch được duyệt nên chủ cơ sở tăng chiều sâu của hồ xử lý để tăng thể tích lưu chứa trong quá trình xử lý nước thải.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT cơ sở: Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH
Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà.

STT	Công trình biện pháp BVMT	Nội dung theo Báo cáo ĐTM/Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM	Nội dung đề nghị điều chỉnh	Nguyên nhân điều chỉnh
		<p>+ Khu nuôi số 2: Hồ thải 1 rộng 11.183 m², hồ thải 2 rộng 28.781 m² được ngăn thành 3 ngăn để xử lý nước thải.</p> <p>Nước thải từ hồ thải khu nuôi số 1 được dẫn sang hệ thống hồ thải khu nuôi số 2 để xử lý tiếp trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.</p> <p>- Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.</p>	<p>11.760m³. Hồ hiếu khí số 2 lót bạt HDPE, kích thước $Dx(R_N+R_L)xH/2 = 105x(49+17)x3m/2 = 10.395m^3$ Hồ lắng thứ cấp, kích thước $DxRxH = 84x45x4m = 15.120m^3$</p> <p>+ Khu nuôi số 2: Hồ lắng sơ cấp số 2, kích thước $DxRxH = 315x40x4m = 50.400m^3$ Hồ lắng sơ cấp số 3 lót bạt HDPE, kích thước $Dx(R_N+R_L)xH/2 = 77x(176+76)x4m/2 = 38.808m^3$</p> <p>Nước thải từ hồ thải khu nuôi số 2 được dẫn sang hệ thống hồ thải khu nuôi số 1 để xử lý tiếp trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.</p> <p>- Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.</p>	

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh nước thải đề nghị được cấp phép của Cơ sở là nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải nuôi tôm được thu gom thành các dòng thải riêng biệt như sau:

- Nguồn thứ 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh: $3,0\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (được xử lý sơ bộ trước khi dẫn về hồ sinh học để xử lý chung cùng với nước thải nuôi trồng thủy sản).

- Nguồn thứ 02: Nước thải phát sinh trong hoạt động nuôi tôm từ các hồ nuôi: $545.458\text{ m}^3/\text{vụ nuôi}$.

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Tổng lưu lượng nước thải tối đa sau khi qua hệ thống hồ sinh học là $545.458\text{ m}^3/\text{vụ nuôi}$.

4.1.3. Dòng nước thải

01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung xả ra vùng biển thuộc địa phận xóm Đại Tiến, xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà.

4.1.4. Thông số, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải

- Số lượng thông số đánh giá (12 thông số): pH, SS, BOD₅, COD, Nitrit, Amoni, Clo dư, Sunfua, Sắt, tổng Nito, tổng Phốt pho, Coliform.

- Quy chuẩn đánh giá: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, $K_q=0,9$ và $K_f=1,3$.

Tổng hợp các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải phù hợp với tính chất nước thải của khu nuôi trồng thủy sản như sau:

Bảng 4.1: Thông số và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn
1	pH	-	5,5 - 9
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/L	117
3	BOD ₅	mg/L	58,5
4	COD	mg/L	175,5
5	Nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	-
6	Clo dư	mg/L	2,34
7	Sunfua (H ₂ S)	mg/L	0,585
8	Sắt (Fe)	mg/L	5,85
9	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	11,7

10	Tổng photpho	mg/L	7,02
11	Tổng Nitơ	mg/L	46,8
12	Coliform	CFU/100mL	5.000

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: Tại xóm Đại Tiến, xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.
- Tọa độ vị trí xả thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3° như sau:

$$X(m) = 20\ 32\ 238; Y(m) = 55\ 15\ 13.$$

- Phương thức xả thải: Nước thải của Khu nuôi trồng thủy sản sau khi xử lý đạt Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, ($K_q=0,9$ và $K_f=1,3$) được dẫn theo ống nhựa PVC có đường kính 500mm, chiều dài 1.350m chảy ra vùng biển xã Thạch Trị (nguồn tiếp nhận) theo phương thức tự chảy. Nước thải được xả ven bờ, trên bề mặt nguồn tiếp nhận.

- Chế độ xả nước thải vào nguồn nước: Chế độ xả thải gián đoạn, 24giờ/ngày đêm.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Là vùng biển thuộc địa phận thôn Đạt Tiến, xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.
- Tọa độ vị trí tiếp nhận nước thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3° của cơ sở như sau:

$$X(m) = 20\ 32\ 249; Y(m) = 55\ 22\ 44$$

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

4.2.1. Nguồn phát sinh

Nguồn phát sinh tiếng ồn trong hoạt động nuôi trồng thủy sản chủ yếu gồm các nguồn sau:

- + Nguồn thứ nhất: Từ máy nổ của máy phát điện dự phòng;
- + Nguồn thứ hai: Từ các phương tiện giao thông ra vào trang trại.

4.2.2. Vị trí phát sinh

Đây là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên không thể xác định cụ thể vị trí, mức độ phát sinh tiếng ồn.

4.2.3 Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung - QCVN 26 :2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung cụ thể như sau:

4.3.3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

4.3.3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải

Trong thời gian qua, Chủ cơ sở đã hợp đồng với Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Hà Tĩnh để thực hiện chương trình quan trắc định kỳ chất lượng nước thải theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả quan trắc các thông số ô nhiễm trong nước thải từ năm 2022 đến tại thời điểm lập báo cáo (02 năm liền kề gần nhất) của Cơ sở được tổng hợp cụ thể ở bảng sau:

Bảng 5.1: Kết quả quan trắc định kỳ nước thải từ năm 2022 - 2024 của Cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Giới hạn cho phép
1	pH	-	6,3	6,7	8,1	5,5 - 9
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/L	74,8	14	25,9	117
3	BOD ₅	mg/L	28	21	26,1	58,5
4	COD	mg/L	64	52	56	175,5
5	Nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	0,09	0,06	0,027	-
6	Clo dư	mg/L	0,31	0,27	0,21	2,34
7	Sunfua (H ₂ S)	mg/L	<0,05	0,20	0,44	0,585
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,67	0,74	0,85	5,85
9	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	0,42	1,4	0,34	11,7
10	Tổng photpho	mg/L	0,68	0,17	0,07	7,02
11	Tổng Nito	mg/L	3,6	3,6	4,0	46,8
12	Coliform	CFU/100mL	2.500	3.100	400	5.000

(Nguồn: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường của cơ sở)

Ghi chú:

- Giới hạn cho phép theo Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, ($K_q=0,9$ và $K_f=1,3$);

- Vị trí lấy mẫu: Cuối đường ống thoát ra môi trường trước khi thoát ra biển, điểm lấy mẫu có tọa độ: 105°59'47,6" Đ; 18°22'18,9" B (X(m) = 20 32 238; Y(m) = 55 15 13).

Nhận xét: Qua tổng hợp kết quả quan trắc môi trường nước thải của cơ sở cho thấy: Chất lượng nước thải sau xử lý của khu nuôi trồng thủy sản ổn định qua các năm, các thông số phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn Quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 40:2011/BTNMT cột B, $K_q=0,9$ và $K_f=1,3$.

5.2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với khí thải

Khí thải phát sinh tại Khu nuôi trồng thủy sản là là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên không thể xác định cụ thể vị trí, lưu lượng, phương thức xả bụi, khí thải. Vì vậy, Chủ cơ sở không thực hiện lấy mẫu quan trắc định kỳ đối với nguồn thải này.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Công trình phải vận hành thử nghiệm: 01 công trình Hệ thống xử lý nước thải công suất 545.458 m³/vụ nuôi.

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Dự kiến khoảng thời gian có thể đưa công trình đi vào vận hành thử nghiệm là tháng 12/2024.

- Căn cứ điểm B khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự kiến tổng thời gian vận hành thử nghiệm diễn ra không quá 06 tháng, kể từ 20/01/2025 đến tháng 20/7/2025.

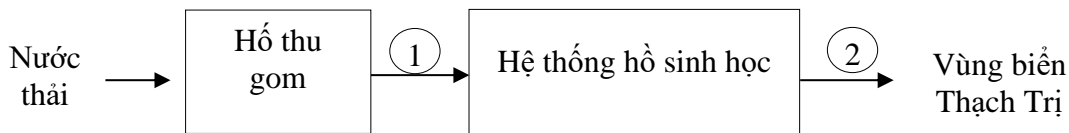
- Công suất dự kiến của cả cơ sở tại thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm đạt từ 80 - 100%.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải.

Kế hoạch quan trắc được xây dựng đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

5.1.2.1. Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý công trình xử lý nước thải

- Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:



+ Vị trí số 01: Mẫu đầu vào hệ thống hồ sinh học để xử lý nước thải. Tọa độ vị trí lấy mẫu: X(m) = 2032224, Y(m) = 55 13 97 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰).

+ Vị trí số 02: Mẫu đầu ra sau hồ lắng thứ cấp. Tọa độ vị trí lấy mẫu: X(m) = 20 32 224; Y(m) = 55 15 13. (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰).

- Thời gian dự kiến lấy mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý:

Bảng 5.1 Kế hoạch quan trắc chất thải giai đoạn vận hành thử nghiệm

Đợt lấy mẫu	Thời gian dự kiến	Số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Quy chuẩn so sánh
Đợt 1	21/7/2025	02 mẫu đơn	- 01 mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (hố thu gom, tập trung nước thải). - 01 mẫu đơn nước thải đầu ra của hệ thống xử	12 thông số: pH, SS, BOD ₅ , COD, Nitrit, Amoni, Clo dư, Sunfua, Sắt, tổng Nitơ, tổng	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, K _q =0,9, x K _f =1,2.

Đợt lấy mẫu	Thời gian dự kiến	Số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Quy chuẩn so sánh
			nước thải tại vị trí sau hồ lắng thứ cấp, trước khi thoát vào đường ống thoát nước thải phía Đông rồi chảy về nguồn tiếp nhận	Phốt pho, Coliform.	
Đợt 2	22/7/2025	01 mẫu đơn	- 01 mẫu đơn nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tại vị trí sau hồ lắng thứ cấp, trước khi thoát vào đường ống thoát nước thải phía Đông rồi chảy về nguồn tiếp nhận		
Đợt 3	23/7/2025	01 mẫu đơn	là vùng biển Thạch Trị		

5.1.2.4. Tổ chức dự kiến phối hợp thực hiện kế hoạch quan trắc.

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch quan trắc:

Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường

+ Địa chỉ: Số 06 đường La Sơn Phu Tử, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 061 (cấp lần 03) do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/4/2022.

+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm số 061/TN-QTMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/4/2022.

5.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 111, 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và Điều 97, 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động và quan trắc định kỳ chất thải theo quy định do không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và lưu lượng xả nước thải nhỏ hơn 500m³/ngày đêm.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong thời gian từ năm 2020 đến nay (02 năm gần đây nhất), Cơ sở chưa có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của các cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, trong suốt quá trình hoạt động của Cơ sở, Chủ cơ sở đã thực hiện nghiêm túc theo nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định 1965/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 như: Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế và đạt quy chuẩn cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra môi trường tiếp nhận; Tiến hành quan trắc định kỳ chất lượng nước thải theo quy định.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường và các pháp luật liên quan khác, Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh cam kết các nội dung như sau:

1. Cam kết rằng các số liệu, thông tin về dự án, các vấn đề môi trường của cơ sở được cung cấp trong Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án có tính chính xác và hoàn toàn trung thực.

2. Cam kết xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường có liên quan khác.

- Chất lượng không khí xung quanh tại khu vực cơ sở nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 05:2023/BTNMT.

- Tiếng ồn, độ rung phát ra từ các thiết bị trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo theo QCVN 26 :2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Nước thải: Nước thải trong quá trình hoạt động của Cơ sở đạt Cột B, Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số $K_q=0,9$ và $K_r=1,3$).

- Chất thải: Thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường (theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm gửi đến cơ quan quản lý (UBND tỉnh Hà Tĩnh, Sở Tài nguyên và môi trường Hà Tĩnh, Ủy ban nhân dân huyện Thạch Hà) trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

4. Công ty cam kết chịu trách nhiệm về hậu quả đối với cộng đồng khu vực xung quanh nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường do quá trình hoạt động của Cơ sở gây ra.

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3001476968

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 06 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 10 tháng 10 năm 2016

(chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH một thành viên sang công ty TNHH hai thành viên trở lên)

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SAO ĐẠI DƯƠNG HÀ TĨNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAO DAI DUONG HT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SAO DAI DUONG HT CO. LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 43 Hàm Nghi, Phường Hà Huy Tập, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Điện thoại: 0393858682 - 0988772999 Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Năm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN BẢO HOÀNG LÊ	Số 87 Phan Đình Giót, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	1.750.000.000	35,000	183641755	
2	NGUYỄN VĂN HÀ	Khối phố 3, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	1.500.000.000	30,000	184266605	
3	NGUYỄN BẢO KHÁNH TRÂM	Số 87 Phan Đình Giót, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	1.500.000.000	30,000	184135943	
4	NGUYỄN THỊ HẠNH	Số 87, Phan Đình Giót, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	250.000.000	5,000	183222325	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HẠNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/05/1966

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 183222325

Ngày cấp: 25/09/2013

Nơi cấp: Công an Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 87, Phan Đình Giót, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 87, Phan Đình Giót, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

P. TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đình Diệu

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 9111... Quyển số: 9/SCT/BS

29 -03- 2022

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HỒNG LAM
CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Tất Uyên

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 11 năm 2011

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ
Số: 28121000121**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ; Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 44/2008/NĐ-CP ngày 09/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 27/7/2011 của UBND tỉnh ban hành Quy định trình tự thủ tục đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Xét Bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 24/10/2011 và hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1052/TTr-SKH ngày 28/10/2011,

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chứng nhận: **CÔNG TY TNHH SAO ĐẠI DƯƠNG HÀ TĨNH;**

Mã số doanh nghiệp: 3001476968, ngày cấp 27/06/2011;

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh;

Đại diện bởi: **NGUYỄN THỊ HẠNH;** Giới tính: Nữ;

Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty;

Sinh ngày: 17/5/1966; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Số CMND: 183222325; Ngày cấp: 15/04/1998; Cơ quan cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 87, đường Phan Đình Giót, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 87, đường Phan Đình Giót, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư: **NUÔI TÔM TRÊN CÁT VÙNG BÃI NGANG.**

Điều 2. Mục tiêu và quy mô dự án:

1. Mục tiêu: Đầu tư phát triển nuôi tôm theo công nghệ nuôi tôm thương phẩm có năng suất cao trên vùng bãi ngang xã Thạch Trị; góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, khai thác có hiệu quả vùng đất cát ven biển, đất hoang hóa; thu hút và tạo việc làm cho lao động, tăng thu cho doanh nghiệp và ngân sách nhà nước.

2. Quy mô: Sản xuất 500-700 tấn tôm/năm.

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh; Diện tích đất dự kiến sử dụng: 1.068.802m².

Điều 4. Tổng vốn đầu tư: 14.396.000.000 đồng (mười ba tỷ, ba trăm chín mươi sáu triệu đồng).

Điều 5. Thời hạn thực hiện dự án: Theo thời gian thuê đất thực tế nhưng không quá 20 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất của cấp có thẩm quyền.

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án: Bắt đầu từ Quý IV/2011 và hoàn thành đưa vào sử dụng Quý I/2012.

Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án:

1. Ưu đãi về thuế suất và thời hạn miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Được miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo. Mức thuế suất 20% áp dụng trong thời gian 10 năm (theo khoản 4 Điều 15 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ).

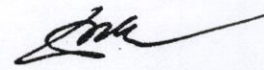
2. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất.

2.1. Nếu được nhà nước cho thuê đất.

Được miễn tiền thuê đất 7 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động (theo khoản 10 Điều 2 Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ).

2.2. Nếu được nhà nước giao đất.

Được giảm 20% tiền sử dụng đất phải nộp (theo mục c khoản 3 Điều 1 Nghị định số 44/2008/NĐ-CP ngày 09/4/2008 của Chính phủ).



Điều 8. Để triển khai dự án đầu tư, yêu cầu Nhà đầu tư:

- Xây dựng các hạng mục đảm bảo đúng quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt;
- Đảm bảo thực hiện dự án đúng tiến độ đã cam kết;
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và quy định của Pháp luật.

Điều 9. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, nếu nhà đầu tư không đáp ứng đủ điều kiện ưu đãi thì không được hưởng ưu đãi đầu tư và phải thực hiện theo đúng tiến độ đã cam kết, nếu sau 12 tháng kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư nhà đầu tư không triển khai hoặc triển khai chậm không đúng tiến độ cam kết của Giấy chứng nhận đầu tư này thì UBND tỉnh thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư và không hoàn trả các chi phí nhà đầu tư đã thực hiện.

Điều 10. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 03 bản gốc: 01 bản cấp cho Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh, 01 bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và 01 bản lưu tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Các sở, ngành: KH và ĐT, NN và PTNT, TN và MT, Tài chính, Công thương, Cục thuế, Hải quan;
- UBND huyện Thạch Hà;
- Lưu: VT, CN, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đình Sơn

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1552... Quyền số: 1...**

20-12-2016

UBND PHƯỜNG BẮC HÀ TP. HÀ TĨNH



Lê Quốc Việt

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **08** /2018/HĐTD

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2004/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 3801/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh về việc cho phép chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần.

Hôm nay, ngày **17** tháng **01** năm 2018, tại Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 12A, đường Võ Liêm Sơn, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Do ông: **Võ Tá Đình**

Chức vụ: Giám đốc Sở làm đại diện.

II. Bên thuê đất: Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 87, đường Phan Đình Giót, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Do bà: **Nguyễn Thị Hạnh**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1: Bên cho thuê đất cho Bên thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê 1.157.196m² (Một triệu một trăm năm bảy nghìn một trăm chín sáu mét vuông) tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo bản trích đo hiện trạng khu đất nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Hà Tĩnh đo vẽ tháng 9/2011, Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 30/9/2011.

3. Thời hạn thuê đất: Đến ngày 12/12/2031.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất nuôi trồng thủy sản.

5. Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.



Điều 2: Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Tiền thuê đất một lần được tính từ ngày 19/12/2017 đến ngày 12/12/2031 theo Thông báo số 05/TB-CT ngày 02/01/2018 của Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đơn giá tiền thuê đất một lần là 3.101 đồng/m² (ba nghìn một trăm linh một đồng trên một mét vuông đất) theo Thông báo số 05/TB-CT ngày 02/01/2018 của Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Tiền thuê đất được nộp một lần cho cả thời gian thuê.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước huyện Thạch Hà.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3: Việc sử dụng đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này và phải tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường, không làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất có liên quan.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện Hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai;

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn Hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5: Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
- Do đề nghị của một Bên hoặc các Bên tham gia Hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;
- Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
- Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6: Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Hợp đồng thuê đất số 02/2012/HĐTĐ ngày 12/01/2012 đã ký giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh. Hợp đồng được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, gửi Cục Thuế Hà Tĩnh, Chi cục Thuế huyện Thạch Hà, Kho bạc Nhà nước huyện Thạch Hà.

BÊN THUÊ ĐẤT



Nguyễn Thị Hạnh

BÊN CHO THUÊ ĐẤT



Võ Tá Đình

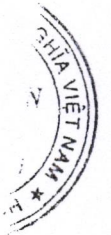
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 26/01/2018 quyền số SCT/BS

17 -01- 2018

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HỒNG LAM
CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Hữu Tài



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SAO ĐẠI DƯƠNG HÀ TỈNH

Giấy CN ĐKDN số: 3001476968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh

Cấp đăng ký lần thứ 1, ngày 03 tháng 5 năm 2012

Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 87, đường Phan Đình Giót, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



4 2 1 8 6 1 9 1 1 4 8 1 9 1 5

BG 481915

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thừa đất số: hợp thửa, tờ bản đồ số: trích đo 1 và 2
- Địa chỉ: Xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
- Diện tích: 1157196,0 m², (bằng chữ: Một triệu một trăm năm mươi bảy nghìn một trăm chín mươi sáu mét vuông)
- Hình thức sử dụng: riêng: 1157196,0 m²; chung: không m²
- Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản
- Thời hạn sử dụng: Đến ngày 12/12/2031
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 6 năm 2012
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

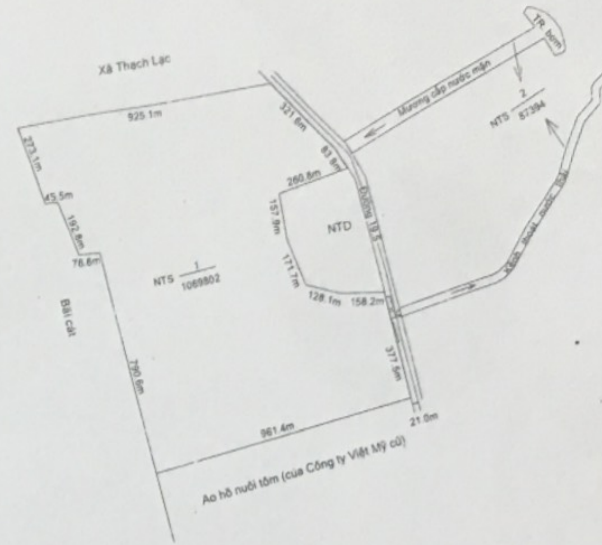
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

Số vào sổ cấp GCN: CT 10251/1789/QĐ-UBND.

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

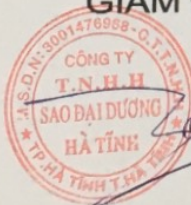
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẤT THỐNG
ĐỊA CHỈ: SỐ 03A - NGÕ 100 - ĐƯỜNG LÊ KHÔI - THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: **CẢI TẠO, SỬA CHỮA, NÂNG CẤP HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
KHU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA CÔNG TY TNHH
SAO ĐẠI DƯƠNG HÀ TĨNH TẠI XÃ THẠCH TRỊ,
HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH**

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SAO ĐẠI DƯƠNG HÀ TĨNH
ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẤT THỐNG

CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC

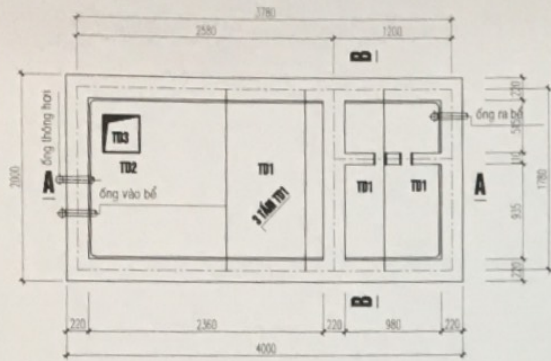


NGUYỄN THỊ HẠNH

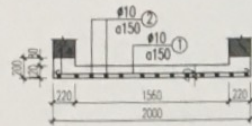
ĐƠN VỊ THI CÔNG
GIÁM ĐỐC



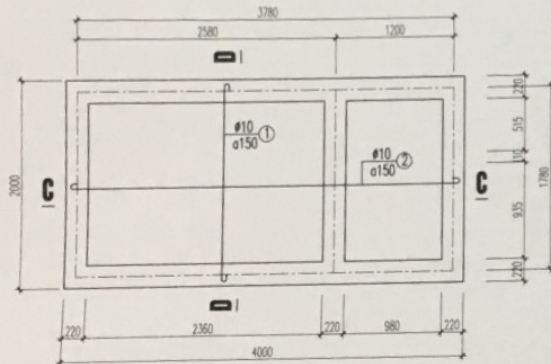
LÊ HỒNG THÁI



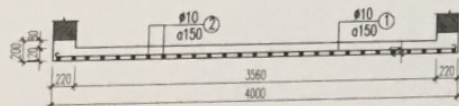
MẶT BẰNG BÊ TỰ HOẠI



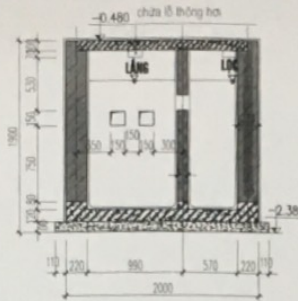
CẮT C - C



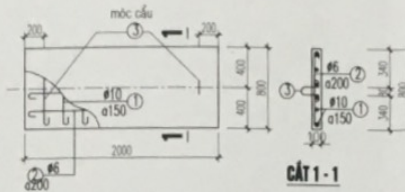
MẶT BẰNG THÉP DÂY BÉ TỰ HOẠI



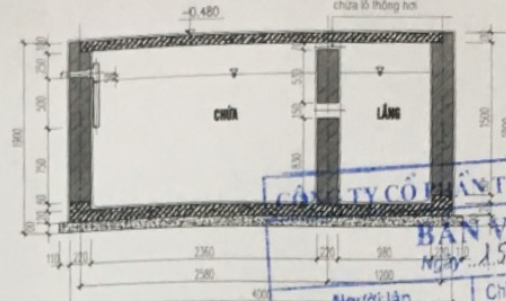
CẮT C - C



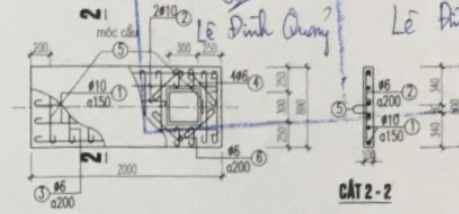
MẶT CẮT B - B



TẦM DÀN T1 (SL=04)

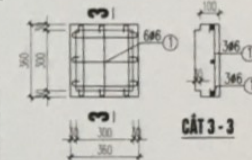


MẶT CẮT A - A



CẮT 2 - 2

TẦM DÀN T2 (SL=01)



CẮT 3 - 3

TẦM DÀN T3 (SL=01)

THỐNG KÊ THÉP LẠNH TÔ, LAM NGANG, GTH :

tên cđ	số tt	hình dạng kích thước	l (MM)	chiều dài (MM)	số lượng		tổng chiều dài (M)	trọng lượng (kg)
					1ck	1bó		
TB1 (SL=04)	1	1980	#10	1980	6	24	47.52	29.30
	2	50 (780) 50	#6	880	12	48	42.24	9.38
	3	150 (150) 80 (80)	#8	540	2	8	4.32	1.70
TB2 (SL=01)	1	1980	#10	1980	4	4	7.92	4.88
	2	50 (1630) 50	#10	1730	2	2	3.46	2.13
	3	50 (780) 50	#6	880	10	10	8.80	1.95
	4	50 (500) 50	#6	600	4	4	2.40	0.53
	5	150 (150) 80 (80)	#8	540	2	2	1.08	0.43
	6	50 (320) 50	#6	420	4	4	1.68	0.37
TB3 (SL=01)	1	50 (320) 50	#6	420	3	3	1.26	0.28
	1	50 (320) 50	#6	420	3	3	1.26	0.28
MẶT ĐÉ (SL=01)	1	1950	#10	1950	23	23	44.85	27.65
	2	3950	#10	3950	16	16	63.20	38.97

- CHỈ CHỮ :**
- bê tông đá 4x6, vxm 100#
 - bê tông dây bê đá 1x2, vxm 200#
 - láng vxm 100#, dày 2cm
 - xây gạch đặc không rỗng vxm 75#
 - trát trong vxm 100# dày 2cm
 - đánh màu bằng xi măng nguyên chất

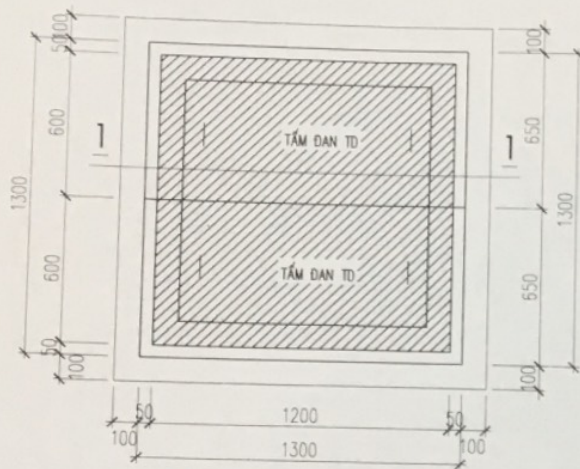
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẤT THỐNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày: 15 tháng 4 năm 2024
 Người lập: Lê Đình Cường
 Chỉ huy trưởng (chức vụ, chữ ký): Lê Đình Cường
 Tư vấn giám sát trưởng (chức vụ, chữ ký): Nguyễn Văn Lợi

NGÀY 15 THÁNG 4 NĂM 2024.
 GIÁM ĐỐC CÔNG TY
 TNHH SAO ĐẠI DƯƠNG HÀ TỈNH
 HÀ TỈNH

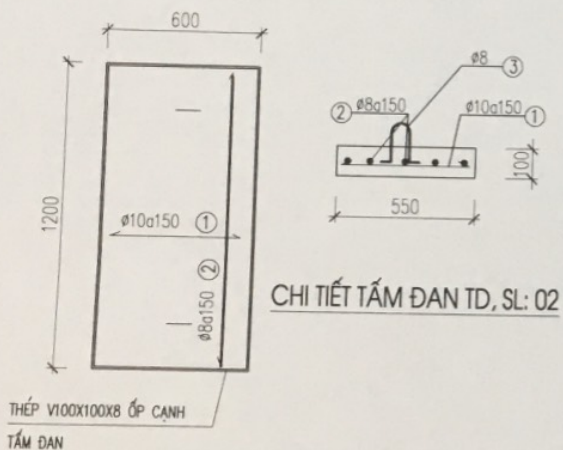
PHỤ TRÁCH XD/CB

TÊN BẢN VẼ
 CHI TIẾT BẾ TỰ HOẠI

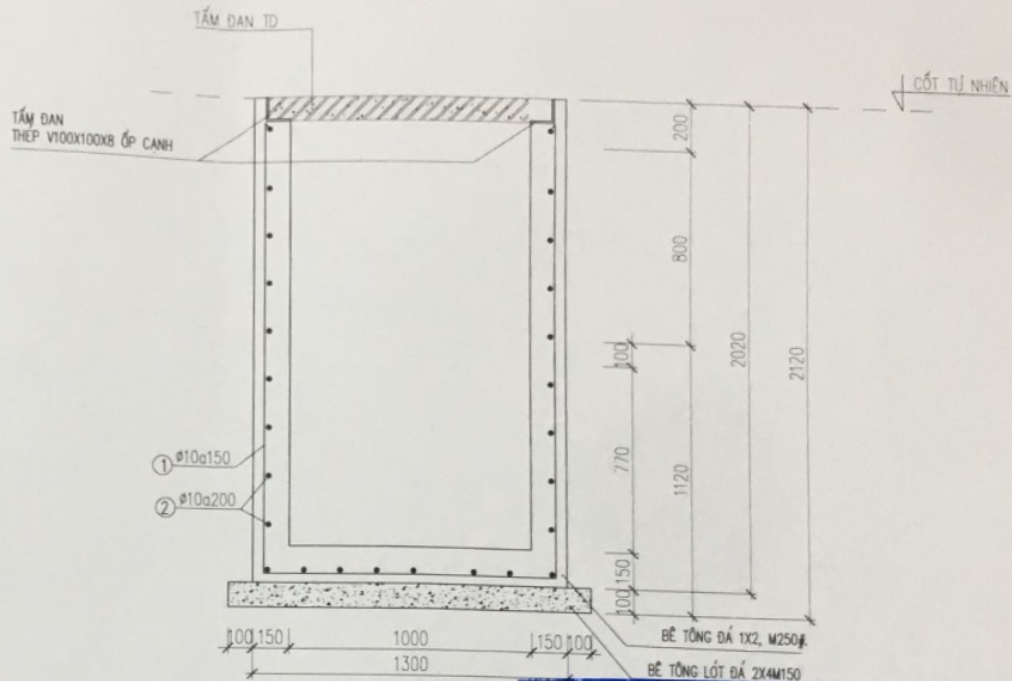
BẢN VẼ SỐ
 HC - 01



CHI TIẾT HỔ GA



CHI TIẾT TẤM ĐAN TD, SL: 02



MẶT CẮT 1-1

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP HỔ GA VÀ TẤM ĐAN

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	S.LƯỢNG/ I.C.K	S.LƯỢNG C.K	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
HỔ GA HG	1	5250	10	5250	18	1	94.5	Le Đình Cường
	2	4600	10	4600	12	1	55.2	
TẤM ĐAN TD (CỐT TẤM)	1	500	10	500	9	2	9	Nguyễn Văn Hà
	2	70 1050 70	8	1190	5	2	11.9	
	MC	100 100 100	8	300	2	2	1.2	

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẤT THỐNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 11 tháng 4 năm 2024

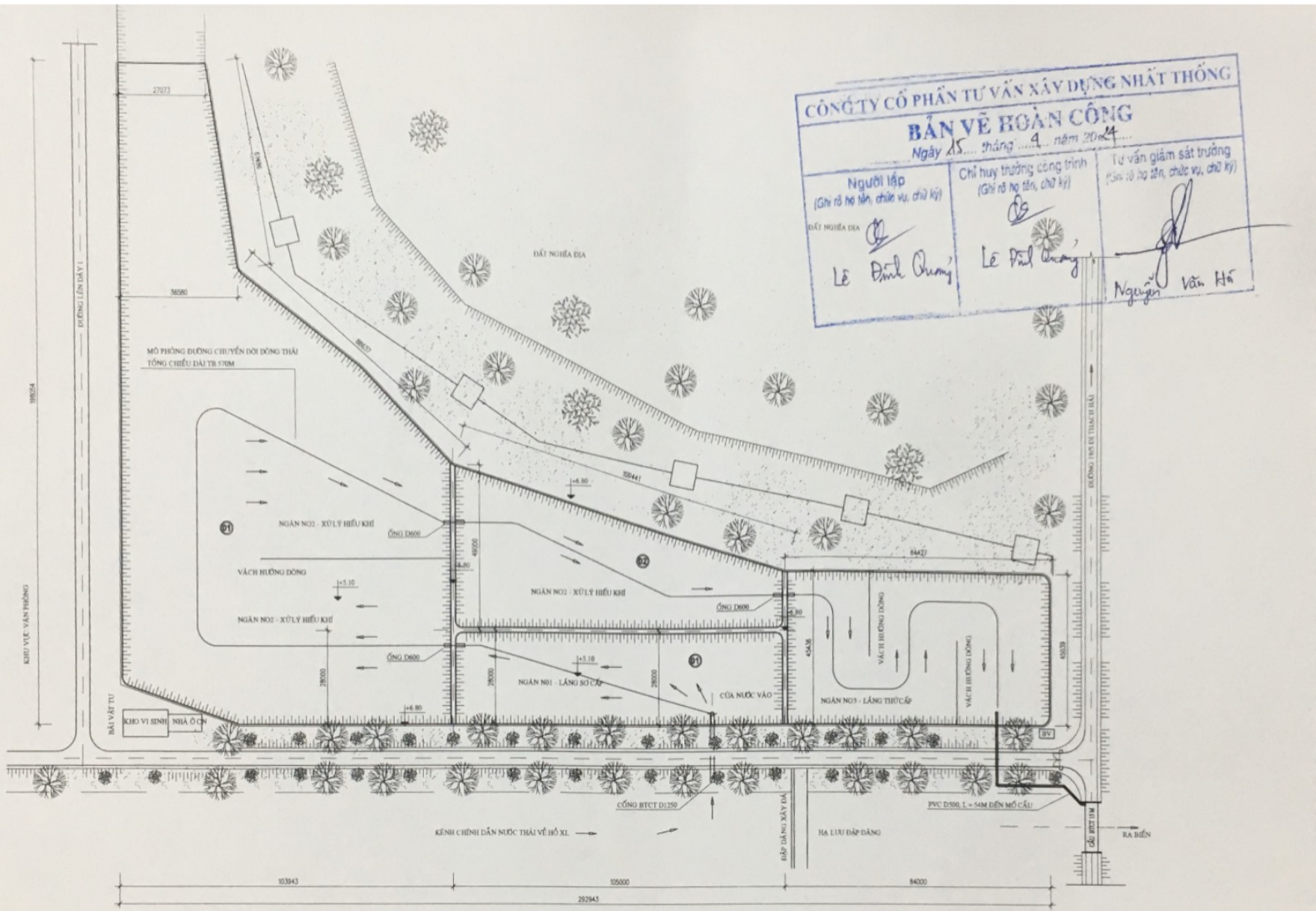
Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký): *Le Đình Cường*
 Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký): *Nguyễn Văn Hà*

NGÀY 11 THÁNG 4 NĂM 2024.
 GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH SAO ĐÀI DƯƠNG HÀ TỈNH
 SAO ĐÀI DƯƠNG HÀ TỈNH
 NGUYỄN THỊ HẠNH

PHỤ TRÁCH XDCB
 NGUYỄN VĂN HÀ

TÊN BẢN VẼ
 CHI TIẾT HỔ GA

BẢN VẼ SỐ
 HC - 02



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẬT THỐNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 4 năm 2024

Người lập
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
ĐẤT NGHĨA ĐIA
Le Dinh Chung

Chỉ huy trưởng công trình
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Le Phuoc Chung

Tư vấn giám sát trưởng
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Nguyễn Văn Hồ

NGÀY 15 THÁNG 4 NĂM 2024.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
TNHH SAO ĐẠI DƯƠNG
HÀ TỈNH

NGUYỄN THỊ HẠNH

PHỤ TRÁCH XDCB

Nguyễn Văn Hà

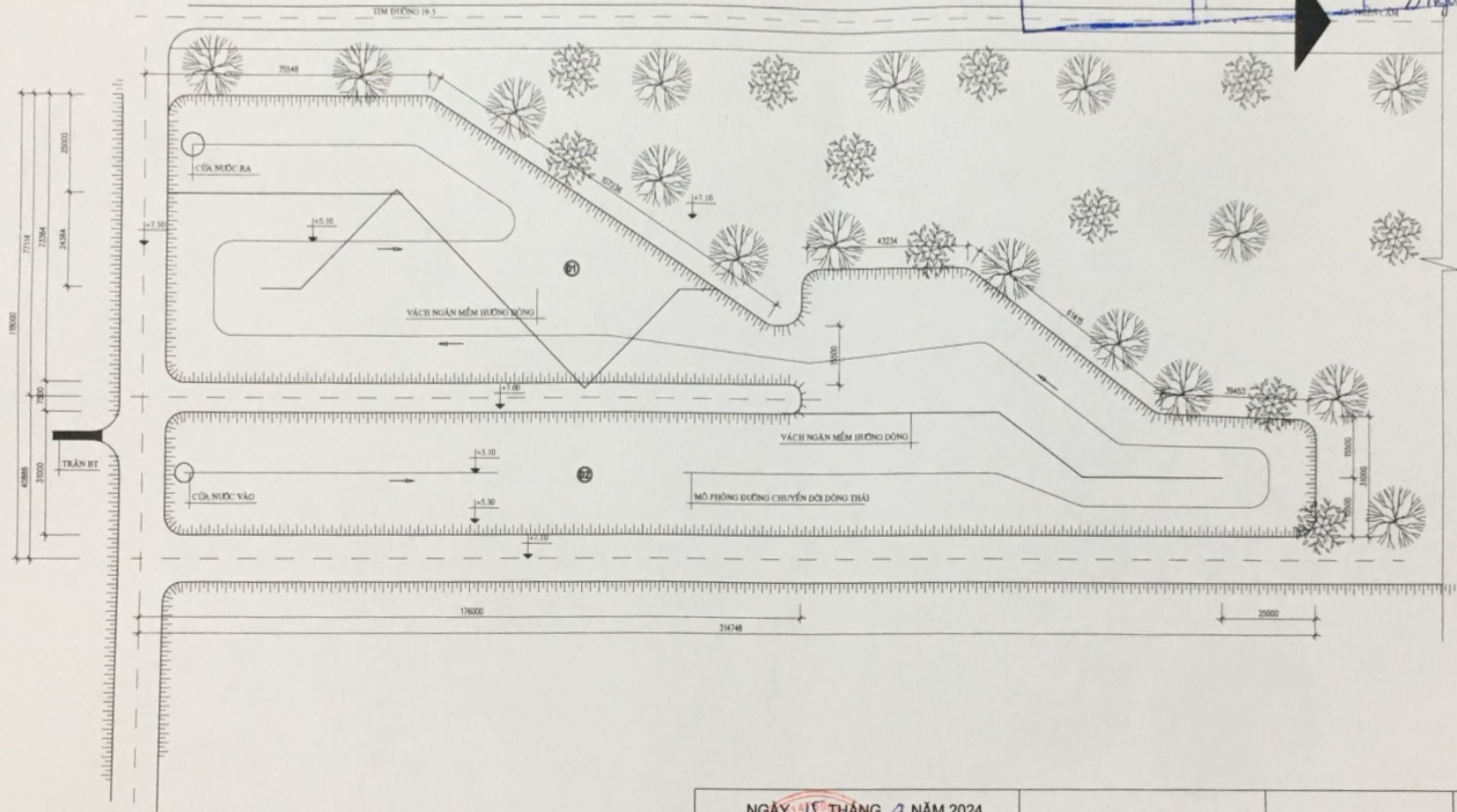
NGUYỄN VĂN HÀ

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG THỨ NHẤT

BẢN VẼ SỐ
HC - 03

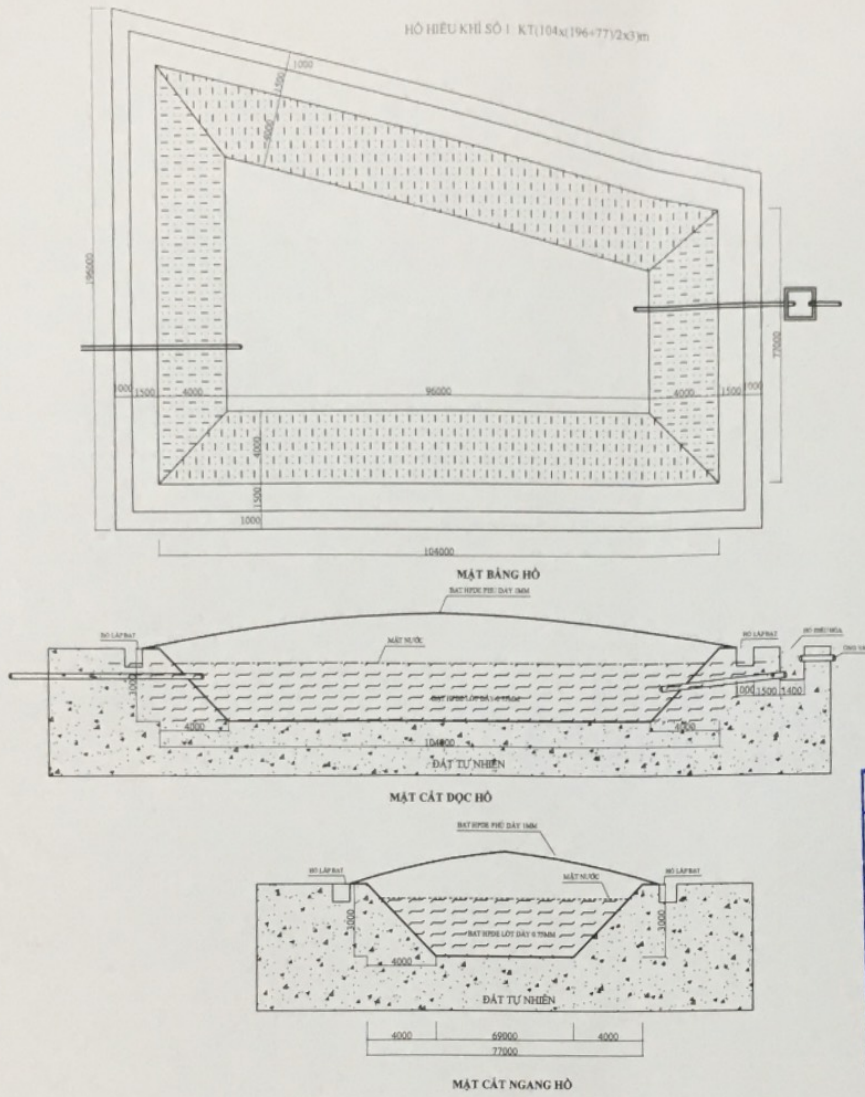
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẬT THỐNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 15 tháng 9 năm 2024

Người lập: (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Lê Đình Cường	Chỉ huy trưởng công trình: (Ghi rõ họ tên, chữ ký) Lê Đình Cường	Tư vấn giám sát trưởng: (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Nguyễn Văn Hà
---	--	--



NGÀY 15 THÁNG 9 NĂM 2024. GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH SAO ĐÀI DƯƠNG HÀ TĨNH HÀ TĨNH NGUYỄN THỊ HẠNH	PHỤ TRÁCH XDCB NGUYỄN VĂN HÀ	TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG THỨ 2	BẢN VẼ SỐ HC - 04
---	-------------------------------------	------------------------------	----------------------

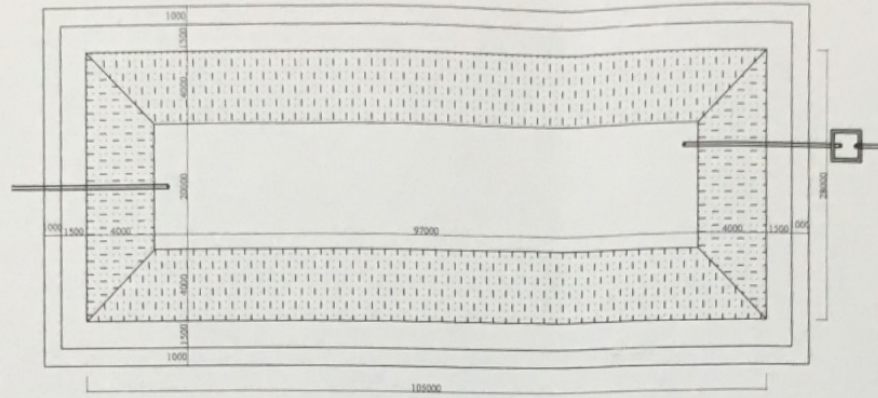
HỒ HIỆU KHÍ SỐ 1 KT(104x196+77)2x3)m



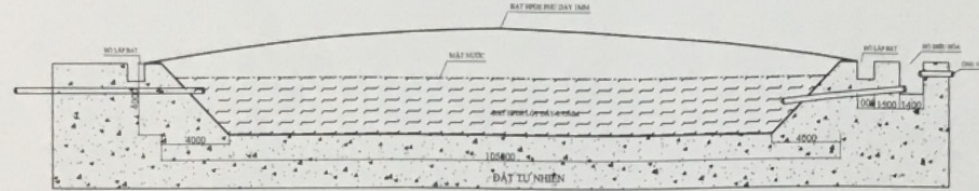
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẤT THỐNG		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ... tháng ... năm 20...4....		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
 Lê Đình Quang	 Lê Đình Quang	 Nguyễn Văn Hà

NGÀY 15 THÁNG 9 NĂM 2024. GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH SAO ĐÀI DƯƠNG HÀ TỈNH HÀ TỈNH NGUYỄN THỊ HẠNH	PHỤ TRÁCH XDCB NGUYỄN VĂN HÀ	TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT HỒ HIỆU KHÍ SỐ 1	BẢN VẼ SỐ HC - 05
---	-------------------------------------	---	----------------------

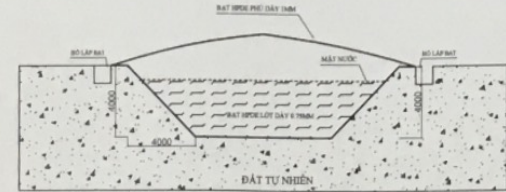
HỒ LẮNG SỐ CẤP SỐ 1 KT: 105x28x4m



MẶT BẰNG HỒ



MẶT CẮT ĐỌC HỒ

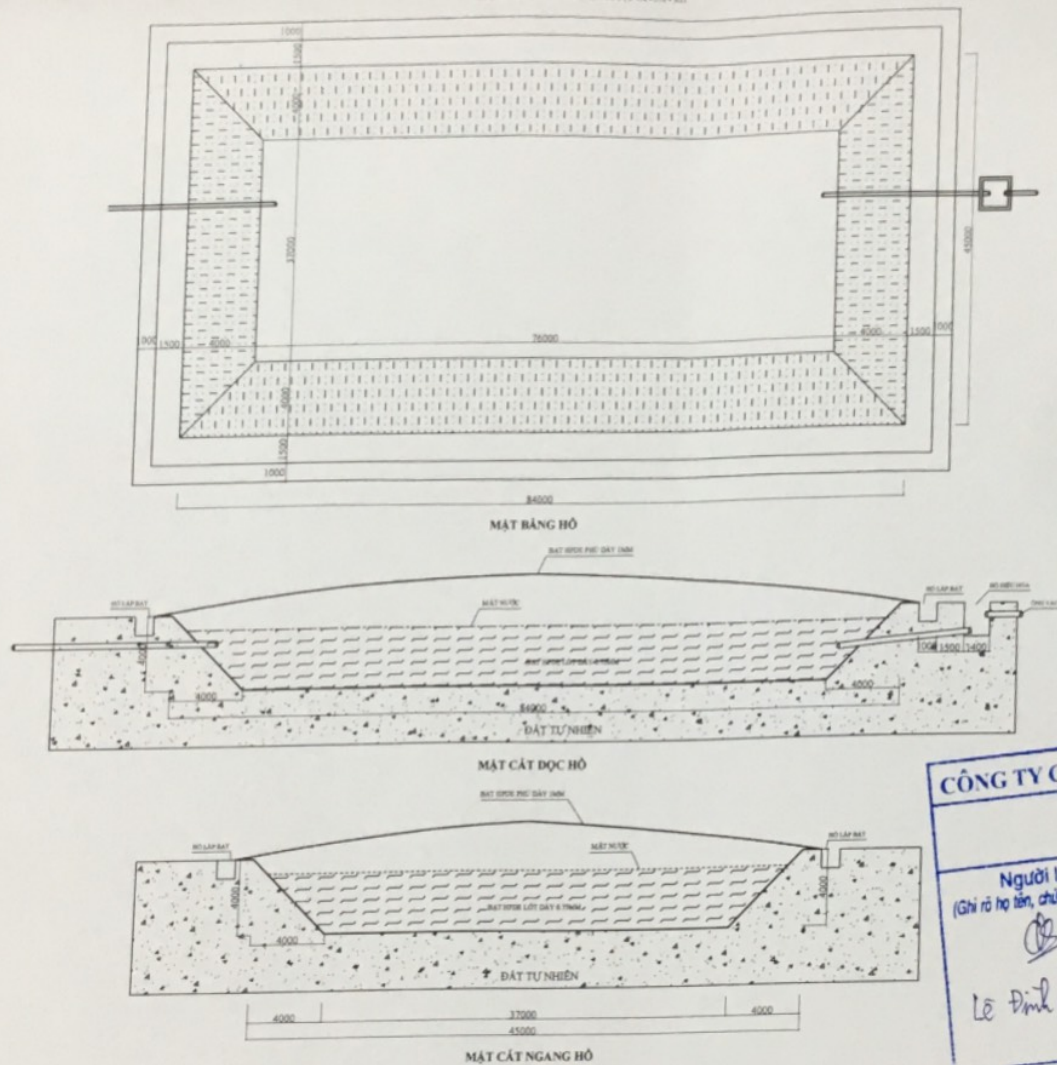


MẶT CẮT NGANG HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẤT THỐNG		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ... tháng ... năm 20...4...		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Lê Đình Quang	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký) Lê Đình Quang	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Nguyễn Văn Hà

NGÀY 15 THÁNG 4 NĂM 2024. T. GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH SAO ĐAI ĐƯƠNG HÀ TĨNH HÀ TĨNH NGUYỄN THỊ HẠNH	PHỤ TRÁCH XDCB NGUYỄN VĂN HÀ	TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT HỒ LẮNG SỐ CẤP SỐ 1	BẢN VẼ SỐ HC - 06
--	-------------------------------------	--	----------------------

HỒ LẮNG THỨ CẤP KT18x45x43m

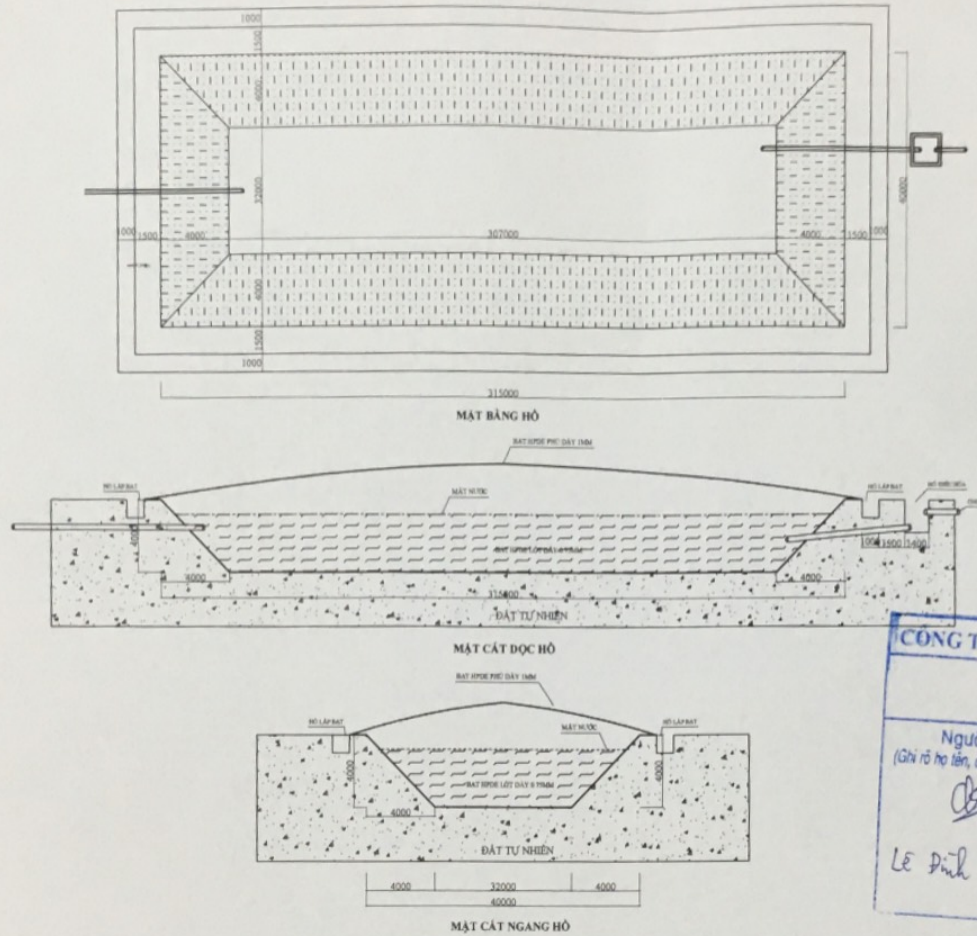


CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẤT THỐNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 15 tháng 7 năm 2024

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Lê Đình Quang	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Lê Đình Quang	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Nguyễn Văn Kha
--	--	--

NGÀY 11 THÁNG 7 NĂM 2024. GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH SAO ĐẠI DƯƠNG HÀ TĨNH HÀ TĨNH NGUYỄN THỊ HẠNH	PHỤ TRÁCH XD/CB NGUYỄN VĂN HÀ	TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT HỒ LẮNG THỨ CẤP	BẢN VẼ SỐ HC - 08
---	----------------------------------	--	----------------------

HỒ LẮNG SƠ CẤP SỐ 2 KT(31x40x4)m

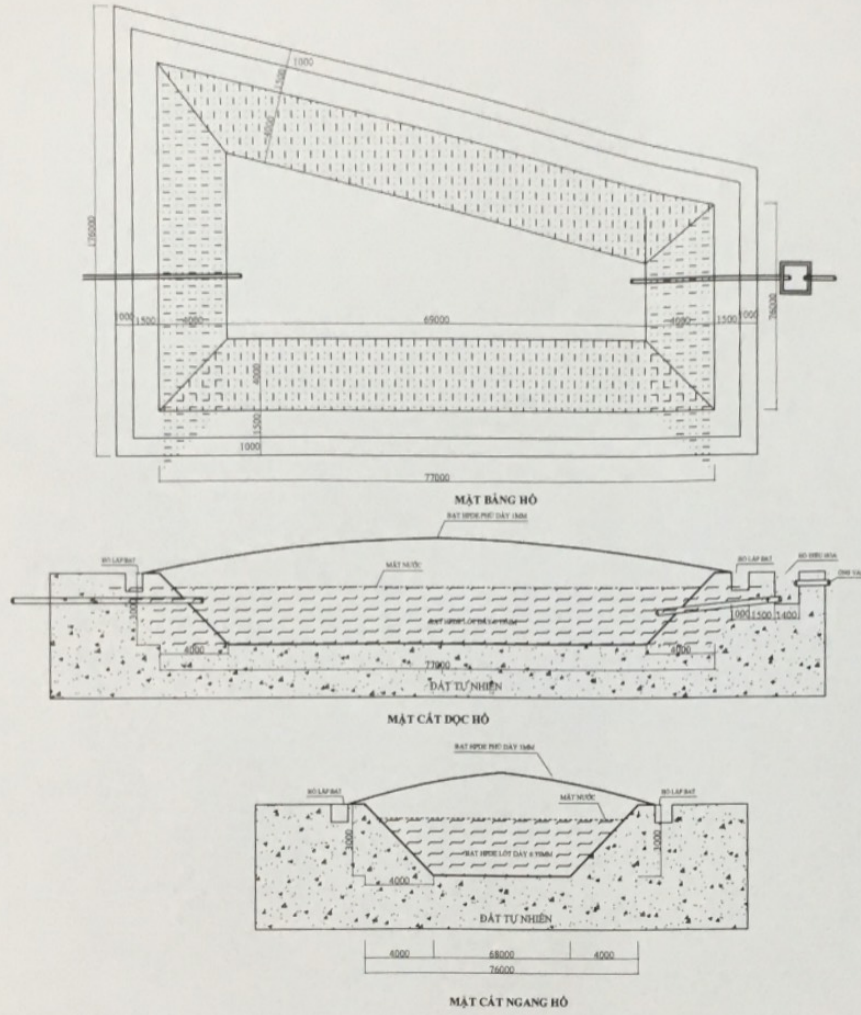


CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẤT THỐNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày .15... tháng ...4... năm 2024...

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Lê Đình Quang	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký) Lê Đình Quang	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Nguyễn Văn Tiến
--	---	---

NGÀY 15 THÁNG 4 NĂM 2024. GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH SẠC ĐẠI DƯƠNG HÀ TỈNH HÀ TỈNH NGUYỄN THỊ HẠNH	PHỤ TRÁCH XDCB NGUYỄN VĂN HÀ	TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT HỒ LẮNG SƠ CẤP SỐ 2	BẢN VẼ SỐ HC - 09
---	---------------------------------	--	----------------------

HỒ LẮNG SƠ CẤP SỐ 3 KT(77x(176+76)2x4)m



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NHẤT THỐNG		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 15 tháng 4 năm 2024		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Lê Đình Cường	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký) Lê Đình Cường	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Nguyễn Văn Hà

NGÀY 15 THÁNG 4 NĂM 2024. GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH SAO ĐÀI DƯƠNG HÀ TỈNH HÀ TỈNH NGUYỄN THỊ HẠNH	PHỤ TRÁCH XÁC B NGUYỄN VĂN HÀ	TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT HỒ LẮNG SƠ CẤP SỐ 3	BẢN VẼ SỐ HC - 10
---	----------------------------------	--	----------------------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH
(V/v thi công hệ thống xử lý nước thải của Khu nuôi trồng thủy sản công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh)

Tên công trình: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải Khu nuôi trồng thủy sản công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Hôm nay, ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại Khu nuôi trồng thủy sản công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh; chúng tôi gồm các bên:

- Đại diện chủ đầu tư (Bên A): Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh

+ Bà: Nguyễn Thị Hạnh; Chức vụ: Giám đốc.

+ Ông: Nguyễn Văn Hà: Cán bộ phụ trách XDCB - Giám sát công trình.

- Đại diện đơn vị thi công (Bên B): Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Nhất Thống

+ Ông: Lê Hồng Thái; Chức vụ: Giám đốc.

+ Lê Đình Quảng: Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật - Chỉ huy trưởng công trình.

Sau khi kiểm tra hồ sơ và thực trạng, các bên cùng nhau thống nhất nghiệm thu khối lượng thi công tại công trình như sau:

1. Công tác thi công công trình:

- Lập Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của công trình “Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải của Khu nuôi trồng thủy sản công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh”;

- Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải của Khu nuôi trồng thủy sản công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh;

- Lập Bản vẽ hoàn công của công trình “Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải Khu nuôi trồng thủy sản công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh”.

2. Khối lượng và chất lượng các hạng mục công việc đã thực hiện:

a. Các hạng mục công trình đã thực hiện:

TT	Tên hạng mục công việc	Đơn vị	Số lượng	Chất lượng hạng mục công việc	Ghi chú
1	Bể tự hoại, kích thước $DxRxH = 2x1x1,0m = 2m^3$	bể	08	Đảm bảo khối lượng, chất lượng và yêu cầu kỹ thuật theo bản vẽ thiết kế thi công và bản vẽ hoàn công	Đã hoàn thành
2	Hố ga, kích thước $DxRxH = 1,2x1,2x2m = 2,88m^3$	hố	01		Đã hoàn thành
3	Hồ hiếu khí số 1 lót bạt HDPE, kích thước $Dx(R_N+R_L)xH/2 = 104x(196+77)x3m/2 = 42.588m^3$	hồ	01		Đã hoàn thành
4	Hồ lắng sơ cấp số 1, kích thước $DxRxH = 105x28x4m = 11.760m^3$	hồ	01		Đã hoàn thành
5	Hồ hiếu khí số 2 lót bạt HDPE, kích thước $Dx(R_N+R_L)xH/2 = 105x(49+17)x3m/2 = 10.395m^3$	hồ	01		Đã hoàn thành
6	Hồ lắng thứ cấp, kích thước $DxRxH = 84x45x4m = 15.120m^3$	hồ	01		Đã hoàn thành
7	Hồ lắng sơ cấp số 2, kích thước $DxRxH = 315x40x4m = 50.400m^3$	hồ	01		Đã hoàn thành
8	Hồ lắng sơ cấp số 3 lót bạt HDPE, kích thước $Dx(R_N+R_L)xH/2 = 77x(176+76)x4m/2 = 38.808m^3$	hồ	01		Đã hoàn thành

b. Thời gian thực hiện công trình:

- Thời gian bắt đầu: Ngày 01 tháng 02 năm 2024.

- Thời gian kết thúc: Ngày 15 tháng 4 năm 2024.

c. Về khối lượng và chất lượng công trình:

- Bên B đã hoàn thành toàn bộ khối lượng công trình theo nội dung bản vẽ thiết kế thi công và bản vẽ hoàn công của công trình.

- Bên B đã xây mới và lắp đặt mới 100% đảm bảo theo mẫu thiết kế và tiêu chuẩn kỹ thuật bên A yêu cầu.

3. Kết luận

- Các bên chấp nhận nghiệm thu toàn bộ khối lượng các hạng mục công trình đã hoàn thành nêu ở “Mục 2”;

- Quá trình xây dựng và lắp đặt Hệ thống xử lý nước thải của Khu nuôi trồng thủy sản công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh”; đơn vị thi công đã chấp hành đầy đủ các nội quy của Trang trại và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị trong quá trình thi công./.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
GIÁM ĐỐC**



Lê Hồng Thái



Nguyễn Thị Hạnh



Số: 51...../2022/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**



- Thời gian lấy mẫu: Ngày 16 tháng 6 năm 2022.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 17/6/2022 đến ngày 23/6/2022.
- Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: $25 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $70 \pm 5\%$.
- Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo GS&QT môi trường định kỳ năm 2022 tại Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà.
- Mẫu được lấy tại: Tổ quan trắc hiện trường Gửi phòng thử nghiệm
- Vị trí lấy mẫu: NN₆₂: Tại giếng khoan trong Khu NTTS cung cấp nước phục vụ mục đích sinh hoạt (trước hệ thống xử lý), điểm lấy mẫu có tọa độ theo hệ tọa độ: $105^{\circ}98'08''$ (Đ); $18^{\circ}22'21''$ (B).
- Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	5,2
2	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	TCVN 6180:1996	mg/l	0,47
3	Độ cứng (theo CaCO ₃)	TCVN 6224:1996	mg/l	480
4	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,47
5	Clorua (Cl)	TCVN 6194:1996	mg/l	742
6	Sulphat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996	mg/l	153
7	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	12
8	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,42
9	Asen (As)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	<0,0007
10	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	mg/l	0,90

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường.
 - Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
- Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 6 năm 2022

QA/QC

Lê Thị Lệ Thúy

KIỂM TRA

Nguyễn Đình Nam

GIÀM ĐỐC



Trần Ngọc Sơn



Số: 252.../2022/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 CHẤT LƯỢNG NƯỚC BIỂN**



- Thời gian lấy mẫu: Ngày 16 tháng 6 năm 2022.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 17/6/2022 đến ngày 23/6/2022.
- Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: $25 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $70 \pm 5\%$.
- Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo GS&QT môi trường định kỳ năm 2022 tại Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà.
- Mẫu được lấy tại: Tổ quan trắc hiện trường Gửi phòng thử nghiệm
- Vị trí lấy mẫu:
 - + BB₇: Tại phía Nam vị trí xả nước thải, điểm lấy mẫu có tọa độ: $105^{\circ}59'55''$ (Đ); $18^{\circ}22'39''$ (B);
 - + BB₈: Tại phía Bắc vị trí xả nước thải, điểm lấy mẫu có tọa độ: $105^{\circ}59'41''$ (Đ); $18^{\circ}22'56''$ (B).
- Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	
				BB ₇	BB ₈
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,9	8,0
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	18	20
3	Ôxy hoà tan (DO) ⁽¹⁾	TCVN 7325:2016	mg/l	7,4	7,3
4	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,08	0,07
5	Mangan (Mn)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	0,09	0,11
6	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,15	0,36
7	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	mg/l	<0,0006	<0,0006
8	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	<0,0003	<0,0003
9	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	170	210
10	Tổng photpho	SMEWW 4500-P .B&E:2017	mg/l	0,16	0,05

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;
- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 6 năm 2022

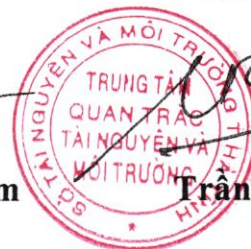
QA/QC

Lê Thị Lệ Thúy

KIỂM TRA

Nguyễn Đình Nam

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Sơn



Số: 253.../2022/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**



1. Thời gian lấy mẫu: Ngày 16 tháng 6 năm 2022.
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 17/6/2022 đến ngày 23/6/2022.
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: $25 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $70 \pm 5\%$.
4. Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo GS&QT môi trường định kỳ năm 2022 tại Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà.
5. Mẫu được lấy tại: Tổ quan trắc hiện trường Gửi phòng thử nghiệm
6. Vị trí lấy mẫu:
 TT₇₇: Cuối đường ống thoát ra môi trường trước khi thoát ra biển, điểm lấy mẫu có toạ độ: $105^{\circ}59'47,6''$ (Đ); $18^{\circ}22'18,9''$ (B).
7. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,3
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6623:2000	mg/l	74,8
3	BOD ₅	TCVN 6001-1:2008	mg/l	28
4	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	64
5	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	TCVN 6187:1996	mg/l	0,09
6	Clo dư	TCVN 6225-3:2011	mg/l	0,31
7	Sunfua (H ₂ S)	SMEWW 4500 S ² -B&D:2017	mg/l	<0,05
8	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,67
9	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,42
10	Tổng photpho	SMEWW 4550- P.B&E:2017	mg/l	0,68
11	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	mg/l	3,6
12	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	2.500

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;
- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 6 năm 2022

QA/QC

Lê Thị Lệ Thúy

KIỂM TRA

Nguyễn Đình Nam

GIAM ĐỐC



Trần Ngọc Sơn



Số: ...A.A.T./2023/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 CHẤT LƯỢNG NƯỚC BIỂN**



- Thời gian lấy mẫu: Ngày 22 tháng 3 năm 2023.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 23/3/2023 đến ngày 28/3/2023.
- Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: $20 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $68 \pm 10\%$.
- Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo GS&QT môi trường định kỳ năm 2023 tại Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà.
- Mẫu được lấy tại: Tổ quan trắc hiện trường Gửi phòng thử nghiệm
- Vị trí lấy mẫu:
 - + BB₇: Tại phía Nam vị trí xả nước thải, điểm lấy mẫu có tọa độ: $105^{\circ}59'55''(\text{Đ}); 18^{\circ}22'39''(\text{B});$
 - + BB₈: Tại phía Bắc vị trí xả nước thải, điểm lấy mẫu có tọa độ: $105^{\circ}59'41''(\text{Đ}); 18^{\circ}22'56''(\text{B}).$
- Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	
				BB ₇	BB ₈
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,9	8,0
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	24	27
3	Ôxy hoà tan (DO) ⁽¹⁾	TCVN 7325:2016	mg/l	7,2	7,3
4	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	<0,04	<0,04
5	Mangan (Mn)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	0,22	0,19
6	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,37	0,42
7	Asen (As)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	0,0008	0,0007
8	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	<0,0003	<0,0003
9	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	790	940
10	Tổng photpho	SMEWW 4500-P .B&E:2017	mg/l	0,07	0,084

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;
 - Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
- Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
 PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Lê Thị Lệ Thúy

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Sơn



Số: .../2023/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**



1. Thời gian lấy mẫu: Ngày 22 tháng 3 năm 2023.
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 23/3/2023 đến ngày 28/3/2023.
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: $20 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $68 \pm 10\%$.
4. Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo GS&QT môi trường định kỳ năm 2023 tại Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà.

5. Mẫu được lấy tại: Tổ quan trắc hiện trường Gửi phòng thử nghiệm

6. Vị trí lấy mẫu:

- NN₃₃: Tại giếng khoan trong Khu NTTS cung cấp nước phục vụ mục đích sinh hoạt (trước hệ thống xử lý), điểm lấy mẫu có tọa độ theo hệ tọa độ: $105^{\circ}98'08''(\text{Đ})$; $18^{\circ}22'21''(\text{B})$.

7. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,7
2	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	TCVN 6180:1996	mg/l	0,43
3	Độ cứng (theo CaCO ₃)	TCVN 6224:1996	mg/l	765
4	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,62
5	Clorua (Cl)	TCVN 6194:1996	mg/l	810
6	Sulphat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996	mg/l	168
7	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	8,1
8	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,78
9	Asen (As)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	<0,0007
10	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	mg/l	0,45

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
 Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
 PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Lê Thị Lệ Thúy

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Sơn



Số: 119...../2023/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**



1. Thời gian lấy mẫu: Ngày 22 tháng 3 năm 2023.
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 23/3/2023 đến ngày 28/3/2023.
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: $20 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $68 \pm 10\%$.
4. Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo GS&QT môi trường định kỳ năm 2023 tại Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà.
5. Mẫu được lấy tại: Tổ quan trắc hiện trường Gửi phòng thử nghiệm
6. Vị trí lấy mẫu:
 - TT₇₀: Cuối đường ống thoát ra môi trường trước khi thoát ra biển, điểm lấy mẫu có toạ độ: $105^{\circ}59'47,6''$ (Đ); $18^{\circ}22'18,9''$ (B).
7. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,7
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	14
3	BOD ₅	TCVN 6001-1:2008	mg/l	21
4	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	52
5	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	TCVN 6187:1996	mg/l	0,06
6	Clo dư	TCVN 6225-3:2011	mg/l	0,27
7	Sunfua (H ₂ S)	SMEWW 4500 S ²⁻ B&D:2017	mg/l	0,20
8	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,74
9	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	1,4
10	Tổng photpho	SMEWW 4550- P.B&E:2017	mg/l	0,17
11	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	mg/l	3,6
12	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	3.100

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;
- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
 PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Lê Thị Lệ Thủy

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Sơn



Số:...../2024/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI**



1. Thời gian lấy mẫu: Ngày 20 tháng 3 năm 2024.
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 21/3/2024 đến ngày 26/3/2024.
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: $20 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $65 \pm 10\%$.
4. Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo GS&QT môi trường định kỳ năm 2024 tại Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà.

5. Mẫu được lấy tại: Tổ quan trắc hiện trường Gửi phòng thử nghiệm

6. Vị trí lấy mẫu:

- NT47: Cuối đường ống thoát ra môi trường trước khi thoát ra biển, điểm lấy mẫu có toạ độ: $105^{\circ}59'47,6''$ (Đ); $18^{\circ}22'18,9''$ (B).

7. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	8,1
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	25,9
3	BOD ₅	TCVN 6001-1:2008	mg/l	26,1
4	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	56
5	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	TCVN 6187:1996	mg/l	0,027
6	Clo dư	TCVN 6225:2011	mg/l	0,21
7	Sulfua (H ₂ S)	SMEWW 4500-S ² -B&D:2017	mg/l	0,44
8	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,85
9	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,34
10	Tổng photpho	SMEWW 4550- P.B&E:2017	mg/l	0,07
11	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	4,0
12	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	400

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 3 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lệ Thúy

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Sơn



Số: 86/2024/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CHẤT LƯỢNG NƯỚC BIỂN**



- Thời gian lấy mẫu: Ngày 20 tháng 3 năm 2024.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 21/3/2024 đến ngày 26/3/2024.
- Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: $20 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $65 \pm 10\%$.
- Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo GS&QT môi trường định kỳ năm 2024 tại Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà.
- Mẫu được lấy tại: Tổ quan trắc hiện trường Gửi phòng thử nghiệm
- Vị trí lấy mẫu:
 - + NB₅: Tại phía Nam vị trí xả nước thải, điểm lấy mẫu có tọa độ: $105^{\circ}59'55''(\text{Đ}); 18^{\circ}22'39''(\text{B});$
 - + NB₆: Tại phía Bắc vị trí xả nước thải, điểm lấy mẫu có tọa độ: $105^{\circ}59'41''(\text{Đ}); 18^{\circ}22'56''(\text{B}).$
- Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	
				NB ₅	NB ₆
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	8,1	8,1
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	TCVN 6625:2000	mg/l	27	30
3	Ôxy hoà tan (DO) ⁽¹⁾	TCVN 7325:2016	mg/l	6,8	6,9
4	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,04	0,04
5	Mangan (Mn)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	0,17	0,15
6	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,50	0,50
7	Asen (As)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	<0,0006	<0,0006
8	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	<0,0003	<0,0003
9	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	140	120
10	Tổng photpho	SMEWW 4500-P .B&E:2017	mg/l	<0,02	0,10

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;
 - Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
- Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lệ Thúy

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Sơn



Số: S.7...../2024/QTMT/QTĐK

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**



1. Thời gian lấy mẫu: Ngày 20 tháng 3 năm 2024.
2. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 21/3/2024 đến ngày 26/3/2024.
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: $20 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $65 \pm 10\%$.
4. Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo GS&QT môi trường định kỳ năm 2024 tại Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà.

5. Mẫu được lấy tại: Tổ quan trắc hiện trường Gửi phòng thử nghiệm

6. Vị trí lấy mẫu:

- NN₃₈: Tại giếng khoan trong Khu NTTS cung cấp nước phục vụ mục đích sinh hoạt (trước hệ thống xử lý), điểm lấy mẫu có tọa độ theo hệ tọa độ: $105^{\circ}98'08''$ (Đ); $18^{\circ}22'21''$ (B).

7. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả
1	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	7,4
2	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	TCVN 6180:1996	mg/l	1,14
3	Độ cứng (theo CaCO ₃)	TCVN 6224:1996	mg/l	1.250
4	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,88
5	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/l	1.417
6	Sulphat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996	mg/l	126
7	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	6
8	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,6
9	Asen (As)	SMEWW 3113B:2017	mg/l	0,0014
10	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	mg/l	0,83

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;

- Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
 Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lệ Thúy

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Sơn

Số: 1965/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã
Thạch Trị, huyện Thạch Hà”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà” (họp ngày 05/5/2018 tại Sở Tài nguyên và Môi trường);

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 22/CV-QLDA ngày 11/6/2018 của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1725/TTr-STNMT ngày 28/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án “Khu nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà” được lập bởi Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh (sau đây gọi là Chủ dự án); với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô đầu tư của Dự án:

1.1. Phạm vi của dự án: Xây dựng khu nuôi trồng thủy sản tại xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà trên tổng diện tích 1.157.196 m² bao gồm các hạng mục chính như sau:

- Khu nuôi trồng thủy sản: tổng diện tích 1.069.802 m², gồm:
 - + Số hồ nuôi: 79 hồ, diện tích mỗi hồ từ 2.653 m² đến 10.406 m²;
 - + Hồ nước ngọt: 01 hồ, diện tích 75.943 m²;
 - + Hồ lắng, xử lý nước mặn: 06 hồ, tổng diện tích 228.555 m²;
 - + Hồ xử lý nước thải: 05 hồ, tổng diện tích 64.326 m².
- Hệ thống cấp thoát nước bên ngoài: tổng diện tích 87.394 m²;

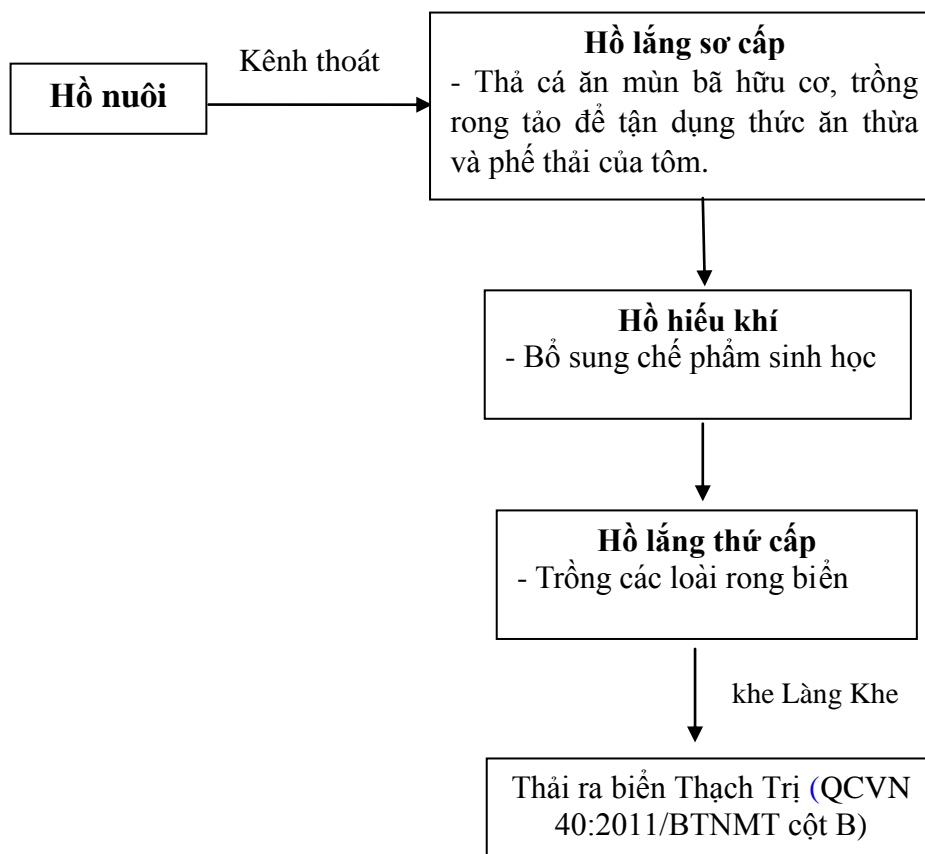
1.2. Quy mô của dự án:

- Nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao, 01 vụ/năm.

Các công trình xử lý môi trường bao gồm: hệ thống kênh thoát thu gom nước thải dẫn về ao thải xử lý, cụ thể:

- Nước thải từ các ao nuôi được thu gom về các hồ xử lý, sau khi đạt QCVN 02-19/2014/BNNPTNT và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B; K_q=1,3; K_f=0,9) sẽ chảy theo Khe Làng Khe đổ ra nguồn tiếp nhận là biển Thạch Trị.

- Sơ đồ quy trình xử lý nước thải:



2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải tuân thủ đúng các phương án thiết kế và quy hoạch đã được phê duyệt; tổ chức thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường và xây lắp đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường; áp dụng các giải pháp kỹ thuật và biện pháp hành chính đã nêu trong Báo cáo ĐTM tổ chức thi công phù hợp để giảm xuống mức thấp nhất ô nhiễm môi trường khu vực thực hiện dự án.

2.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, nước thải đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia hiện hành; thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản trên toàn khu vực dự án; thiết kế, xây dựng và vận hành hệ thống thu gom xử lý nước thải ao nuôi đảm bảo đạt QCVN 02-19/2014/BNNPTNT và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B; $K_q=1,3$; $K_f=0,9$) trước khi chảy theo Khe Làng Khe đổ ra nguồn tiếp nhận là biển Thạch Trị. Toàn bộ kênh thu gom, thoát nước thải sau xử lý dẫn ra biển là hệ thống ống kín nhằm hạn chế nhiễm mặn ra khu vực xung quanh.

2.3. Thu gom, phân loại, vận chuyển, lưu giữ và xử lý toàn bộ chất thải rắn, chất thải nguy hại theo phương án đã lập trong Báo cáo ĐTM và bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ thực hiện nạo vét ao nuôi và xử lý bùn nạo vét đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

2.4. Chỉ đạo và giám sát đơn vị nhà thầu vận chuyển nguyên vật liệu và chất thải từ hoạt động thi công theo đúng quy trình, thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trên tuyến đường vận chuyển nhằm hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng đến giao thông và dân cư hai bên tuyến đường vận chuyển.

2.5. Lập phương án cụ thể, chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các sự cố môi trường, sự cố dịch bệnh trong suốt quá trình hoạt động của dự án; kịp thời thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm ngăn ngừa dịch bệnh lây lan khi có dịch bệnh xảy ra trong suốt quá trình hoạt động của dự án. Phối hợp với các đơn vị hoạt động nuôi trồng thủy sản trong vùng tại xã Thạch Trị để đảm bảo quản lý an toàn phòng dịch trong nuôi trồng thủy sản.

2.6. Trong quá trình hoạt động của dự án, không được sử dụng các loại hóa chất độc hại hoặc tích tụ độc hại, các loại hóa chất, thuốc thú y, thức ăn đã hết hạn sử dụng hoặc nằm ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật; kiểm soát nghiêm ngặt việc sử dụng hóa chất, thuốc thú y trong quá trình nuôi.

2.7. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về quản lý an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy; lập phương án cụ thể, chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro, sự cố môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

2.8. Thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo ĐTM; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để theo dõi kiểm tra và định kỳ báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường (6 tháng/lần) theo đúng quy định.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Trước khi triển khai dự án phải lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án tại trụ sở UBND xã Thạch Trị, huyện Thạch Hà.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã đề xuất trong báo cáo ĐTM, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

5. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo ĐTM được phê duyệt, các Khoản 1 và Khoản 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường và là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND huyện Thạch Hà, các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Quyết định này. Trường hợp Chủ dự án vi

phạm một trong các yêu cầu nêu trên thì kịp thời tham mưu UBND tỉnh đình chỉ việc thực hiện dự án, buộc Chủ dự án bồi hoàn các chi phí, thiệt hại liên quan do vi phạm gây ra theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Thạch Hà; Chủ tịch UBND xã Thạch Trị; Giám đốc Công ty TNHH Sao Đại Dương Hà Tĩnh (Chủ dự án) và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP/UB phụ trách NN;
- Lưu VT, NL₂.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(đã ký)

Đặng Ngọc Sơn